

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001-2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

**Sinh viên : Nguyễn Thị Dinh
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Văn Hồng Ngọc**

HẢI PHÒNG - 2014

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI HÙNG AN**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thị Dinh
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Văn Hồng Ngọc**

HẢI PHÒNG - 2014

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Dinh

Mã SV: 1213401139

Lớp: QTL 603K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty

Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Hùng An

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

Về mặt lý luận: Hệ thống được những vấn đề lý luận cơ bản về công tác vốn bằng tiền.

Về mặt thực tế: Mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán Vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Hùng An.

Các số liệu tính toán logic phù hợp với dòng chảy của kế toán.

Hoàn thiện công tác tổ chức kế toán Vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Hùng An.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Số liệu kế toán lấy tại phòng kế toán của Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Hùng An.

Sử dụng số liệu tháng 12 năm 2013

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp

Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Hùng An.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

.....

.....

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

.....

.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 31 tháng 03 năm 2014

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 06 tháng 7 năm 2014

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng năm 2014

Hiệu trưởng

GS.TS.NGŨT Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày tháng năm 2014

Cán bộ hướng dẫn
(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1 : LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG CÁC DOANH NGHIỆP	2
1.1 Tổng quan về vốn bằng tiền:	2
1.1.1 Khái niệm, đặc điểm và phân loại vốn bằng tiền.	2
1.1.2. Nguyên tắc hạch toán vốn bằng tiền	3
1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền	4
1.2 .Tổ chức kế toán tiền mặt tại quỹ trong Doanh nghiệp.....	4
1.2.1 Khái niệm tiền mặt tại quỹ.	4
1.2.2 Nguyên tắc hạch toán tiền mặt tại quỹ	5
1.2.3 chứng từ kế toán sử dụng	5
1.2.4. Tài khoản sử dụng:	6
1.2.4 Phương pháp hạch toán kế toán một số hoạt động kinh tế chủ yếu	7
1.2.5.1 Kế toán tình hình biến động tiền mặt Việt Nam.....	7
1.2.5.2 Kế toán tình hình biến động ngoại tệ tại quỹ:	8
1.3.Kế toán tiền gửi ngân hàng.....	11
1.3.1.Nguyên tắc hạch toán tiền gửi ngân hàng	11
1.3.2.Chứng từ sử dụng	12
1.3.3.Kết cấu và tài khoản kế toán sử dụng.....	12
1.3.4.Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu về tiền gửi ngân hàng	14
1.3.4.1.Kế toán tiền gửi ngân hàng bằng tiền Việt Nam	14
1.3.4.2.Kế toán tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ:	16
1.4.1 Kế toán tiền đang chuyển	17
1.4.2 Chứng từ sử dụng:	17
1.4.3 Tài khoản sử dụng	17
1.4.4 Phương pháp hạch toán	18
1.4.5.Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu về tiền đang chuyển...	19
1.5.Tổ chức vận dụng sổ sách trong công tác kế toán vốn bằng tiền trong DN..	20
CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI HÙNG AN	26
2.1.Tổng quan về công ty cổ phần DVTM Hùng An.....	26
2.1.1.Quá trình hình thành và phát triển của công ty DVTM Hùng An.....	26

2.1.2 Ngành nghề kinh doanh.....	27
2.1.3 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty CPDVTM Hùng An	27
2.1.4 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty CPDVTM Hùng An.....	29
2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán	29
2.1.4.2 Hình thức ghi sổ kế toán tại công ty CPDVTM Hùng An	31
Kiểm tra đối chiếu:	32
2.1.4.3 Các chính sách kế toán tại công ty CP DVTM Hùng An.....	33
2.2 Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty CPDVTM Hùng An	33
2.2.1. Kế toán tiền mặt tại quỹ tại công ty CPDVTM Hùng An.....	33
2.2.1.1. Tài khoản, chứng từ, sổ sách sử dụng	34
2.2.1.2 Trình tự ghi sổ kế toán tiền mặt tại công ty CPDVTM Hùng An.....	35
2.2.1.3 Một số nghiệp vụ liên quan đến tiền mặt tại công ty	36
2.2.2 Kế toán tiền gửi ngân hàng tại công Ty cổ phần DVTM Hùng An.....	55
2.2.2.1. Tài khoản, chứng từ, sổ sách sử dụng	55
2.2.2.2. Trình tự ghi sổ kế toán tiền gửi ngân hàng tại công ty cổ phần DVTM Hùng An.....	56
2.2.2.3. Một số nghiệp vụ liên quan đến tiền gửi ngân hàng tại công ty cổ phần DVTM Hùng An.....	57
CHƯƠNG 3 MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DVTM HÙNG AN...	69
3.1. Đánh giá chung về tổ chức công tác kế toán và kế toán vốn bằng tiền tại công ty cổ phần DVTM Hùng An	69
3.1.1 Ưu điểm	69
3.1.2. Hạn chế	71
3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty cổ phần DVTM Hùng An	71
KẾT LUẬN.....	75

LỜI MỞ ĐẦU

Trong các doanh nghiệp nói chung và trong doanh nghiệp sản xuất kinh doanh nói riêng, vốn bằng tiền là cơ sở, là tiền đề đầu tiên cho một doanh nghiệp hình thành, tồn tại và phát triển, là điều kiện cơ bản để doanh nghiệp hoàn thành cũng như thực hiện quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Vì vậy quy mô và kết cấu của vốn bằng tiền rất lớn, rất phức tạp, đồng thời là công cụ không thể thiếu trong quản lý kinh tế của Nhà nước và doanh nghiệp.

Qua thời gian học tập lý thuyết tại trường và trong thời gian thực tập tại công ty Cổ Phần Dịch Vụ Thương Mại Hùng An, được sự hướng dẫn trực tiếp của Th.s Văn Hồng Ngọc và các cán bộ trong phòng kế toán, em đã đi sâu nghiên cứu tìm hiểu về công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty và mạnh dạn chọn đề tài “**Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty Cổ Phần Dịch Vụ Thương Mại Hùng An**” làm đề tài khóa luận của mình.

Nội dung khóa luận gồm 3 chương chính:

Chương 1: Lý luận chung về tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền trong các doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty Cổ Phần Dịch Vụ Thương Mại Hùng An.

Chương 3: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty Cổ Phần Dịch Vụ Thương Mại Hùng An.

Do thời gian và trình độ có hạn nên bài khóa luận của em chắc chắn không tránh khỏi thiếu sót, vì vậy em rất mong nhận được sự góp ý của các thầy cô để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Hải phòng, Ngày 28 Tháng 06 Năm 2014

Sinh viên

Nguyễn Thị Dinh

CHƯƠNG 1 :

LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG CÁC DOANH NGHIỆP

1.1 Tổng quan về vốn bằng tiền:

1.1.1 Khái niệm, đặc điểm và phân loại vốn bằng tiền.

a. Khái niệm vốn bằng tiền:

Vốn bằng tiền của các đơn vị là một bộ phận tài sản lưu động làm chức năng ngang giá chung trong mối quan hệ mua bán trao đổi được biểu hiện dưới hình thái tiền tệ. Vốn bằng tiền là loại tài sản mà doanh nghiệp nào cũng có.

b. Đặc điểm:

Trong quá trình sản xuất kinh doanh vốn bằng tiền vừa được sử dụng để đáp ứng nhu cầu về thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp hoặc mua sắm vật tư, hàng hoá sản xuất kinh doanh, vừa là kết quả của việc mua bán hoặc thu hồi các khoản nợ. Chính vì vậy, quy mô vốn bằng tiền là loại vốn đòi hỏi doanh nghiệp phải quản lý hết sức chặt chẽ.

c. Phân loại vốn bằng tiền:

Theo hình thức tồn tại vốn bằng tiền của doanh nghiệp được chia thành:

Tiền Việt Nam: Là loại tiền phù hiệu. Đây là các loại giấy bạc do ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành và được sử dụng làm phương tiện giao dịch chính thức đối với toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Ngoại tệ: Là loại tiền phù hiệu. Đây là các loại giấy bạc không phải do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành nhưng được phép lưu hành chính thức trên thị trường Việt nam như các đồng: Đô la Mỹ (USD), bảng Anh (GBP), phrăng Pháp (FFr), yên Nhật (JPY), đô la Hồng Kông (HKD), mác Đức (DM) .

Vàng bạc, kim loại quý, đá quý, ngân phiếu: Là tiền thực chất, tuy nhiên được lưu trữ chủ yếu là vì mục tiêu an toàn hoặc một mục đích bất thường khác chứ không phải vì mục đích thanh toán trong kinh doanh.

Theo địa điểm bảo quản, vốn bằng tiền của doanh nghiệp bao gồm:

Tiền mặt tại quỹ: Gồm giấy bạc Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim loại quý, đá quý, ngân phiếu hiện đang được giữ tại kết của doanh nghiệp để phục vụ nhu cầu chi tiêu trực tiếp hàng ngày trong sản xuất kinh doanh.

Tiền gửi ngân hàng: Là tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim loại quý,

đá quý, ngân phiếu mà doanh nghiệp đang gửi tại tài khoản.

Tiền đang chuyển: Là tiền trong quá trình vận động để hoàn thành chức năng phương tiện thanh toán hoặc đang trong quá trình vận động từ trạng thái này sang trạng thái khác.

1.1.2. Nguyên tắc hạch toán vốn bằng tiền

Kế toán vốn bằng tiền phải tôn trọng đầy đủ các quy tắc, các chế độ quản lý và lưu thông tiền tệ hiện hành. Cụ thể:

Hạch toán vốn bằng tiền phải sử dụng một đơn vị tiền tệ thống nhất đó là đồng Việt Nam, trừ trường hợp được phép sử dụng một đơn vị tiền tệ

Ở những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt hoặc gửi vào ngân hàng phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch (tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên Ngân hàng do Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh) để ghi sổ kế toán.

Trường hợp mua ngoại tệ về nhập quỹ tiền mặt, gửi vào Ngân hàng hoặc thanh toán công nợ ngoại tệ bằng đồng Việt Nam thì được quy đổi ra đồng Việt Nam theo giá mua hoặc tỷ giá thanh toán. Bên có các TK 1112, TK 1122 được quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá trên sổ sách TK1112, hoặc TK 1122 theo một trong các phương pháp: bình quân gia quyền, nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước, thực tế đích danh.

Nhóm tài khoản có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đồng Việt Nam, đồng thời phải hạch toán chi tiết ngoại tệ theo nguyên tệ. Nếu có chênh lệch tỷ giá hối đoái thì tùy theo từng trường hợp cụ thể sẽ được xử lý chênh lệch như sau:

Nếu chênh lệch phát sinh trong giai đoạn sản xuất kinh doanh (kể cả doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản) thì số lãi do tỷ giá được phản ánh vào TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính và lỗ do tỷ giá được phản ánh vào TK 635 - Chi phí tài chính.

Nếu chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản (là giai đoạn trước hoạt động) thì số chênh lệch được phản ánh vào TK 413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Số dư cuối kỳ của các tài khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm lập báo cáo tài

chính năm.

Đối với vàng bạc, kim khí, đá quý phản ánh ở nhóm tài khoản vốn bằng tiền chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp không đăng ký kinh doanh vàng bạc, kim khí, đá quý.

Vàng bạc, kim khí, đá quý phải được theo dõi về số lượng, trọng lượng, quy cách phẩm chất và giá trị của từng thứ, từng loại. Giá trị vàng bạc, kim khí, đá quý nhập vào quỹ được tính theo giá thực tế (giá hoá đơn hoặc giá thanh toán). Khi tính giá xuất vàng bạc, kim khí, đá quý có thể áp dụng một trong bốn phương pháp tính giá hàng tồn kho: bình quân gia quyền, nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước, thực tế đích danh.

1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền

Phản ánh kịp thời các khoản thu chi vốn bằng tiền, thực hiện việc kiểm tra, đối chiếu số liệu thường xuyên với thủ quỹ nhằm đảm bảo tính chặt chẽ của vốn bằng tiền.

Phản ánh tình hình tăng giảm, sử dụng TGNH hàng ngày, việc chấp hành chế độ thanh toán không dùng tiền mặt.

Phản ánh các khoản tiền đang chuyển, kịp thời phát hiện nguyên nhân làm cho tiền đang chuyển bị ách tắc để doanh nghiệp có biện pháp thích hợp giải phóng nhanh tiền đang chuyển kịp thời.

Tổ chức thực hiện các quy định về chứng từ, thủ tục hạch toán kế toán vốn bằng tiền, kế toán thực hiện chức năng kiểm soát và phát hiện các trường hợp chi tiêu lãng phí, sai chế độ, phát hiện các chênh lệch vốn bằng tiền.

Theo dõi tình hình thu, chi, tăng, giảm, thừa, thiếu và số hiện có của từng loại vốn bằng tiền. Hướng dẫn và kiểm tra việc ghi chép của thủ quỹ, thường xuyên kiểm tra đối chiếu số liệu của thủ quỹ và kế toán tiền mặt nhằm đảm bảo an toàn tiền tệ.

Kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc chấp hành các chế độ, quy định, các thủ tục quản lý về vốn bằng tiền. Phát hiện các trường hợp chi lãng phí, sai chế độ, tham ô, biến thủ tài sản. Xác định nguyên nhân và kiến nghị biện pháp quản lý.

1.2. Tổ chức kế toán tiền mặt tại quỹ trong Doanh nghiệp

1.2.1 Khái niệm tiền mặt tại quỹ.

Tiền mặt là số vốn bằng tiền do thủ quỹ bảo quản tại quỹ hoạt kết của doanh nghiệp bao gồm: tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, đá quý, kim khí quý.

1.2.2 Nguyên tắc hạch toán tiền mặt tại quỹ

Mọi khoản thu, chi, bảo quản tiền mặt do thủ quỹ chịu trách nhiệm thực hiện. Mỗi doanh nghiệp thường xuyên phải có một lượng tiền mặt nhất định theo định mức phục vụ cho nhu cầu chi tiêu thường xuyên, số còn lại phải gửi vào ngân hàng, kho bạc hoặc công ty tài chính.

Kế toán tiền mặt phải theo dõi, kiểm tra thường xuyên liên tục số hiện có, tình hình biến động tiền mặt.

Khi thu chi tiền mặt phải đóng dấu đã thu, đã chi vào chứng từ thu chi.

Cuối ngày, thủ quỹ phải căn cứ vào chứng từ thu chi vào sổ quỹ lập báo cáo quỹ, gửi sổ quỹ kèm báo cáo quỹ cùng chứng từ gốc cho kế toán vốn bằng tiền, phải kiểm kê số tồn quỹ thực tế, đối chiếu với sổ sách kế toán, nếu có sai lệch phải cùng kế toán tìm nguyên nhân.

1.2.3 chứng từ kế toán sử dụng

Phiếu thu (Mẫu số 01 - TT)

Phiếu thu do kế toán lập thành 3 liên, ghi đầy đủ các nội dung trên phiếu và ký vào phiếu thu, sau đó chuyển cho kế toán trưởng soát xét và giám đốc ký duyệt, chuyển cho thủ quỹ làm thủ tục nhập quỹ. Sau khi đã nhận đủ số tiền, thủ quỹ ghi số tiền thực tế nhập quỹ (bằng chữ) vào phiếu thu trước khi ký và ghi rõ họ tên. Thủ quỹ giữ lại 1 liên để ghi sổ quỹ, 1 liên giao cho người nộp tiền, 1 liên lưu nơi lập phiếu. Cuối ngày toàn bộ phiếu thu kèm theo chứng từ gốc chuyển cho kế toán để ghi sổ kế toán.

Phiếu chi (Mẫu số 02 - TT)

Phiếu chi được lập thành 3 liên và chỉ sau khi có đủ chữ ký (Ký theo từng liên) của người lập phiếu, kế toán trưởng, giám đốc, thủ quỹ mới được xuất quỹ. Sau khi nhận đủ số tiền người nhận tiền phải ghi số tiền đã nhận bằng chữ, ký tên và ghi rõ họ, tên vào phiếu chi.

Liên 1 lưu ở nơi lập phiếu.

Liên 2 thủ quỹ dùng để ghi sổ quỹ và chuyển cho kế toán cùng với chứng từ gốc để vào sổ kế toán.

Liên 3 giao cho người nhận tiền.

- Giấy đề nghị tạm ứng (Mẫu số 03 - TT)
- Giấy đề nghị thanh toán (Mẫu số 05 - TT)
- Biên lai thu tiền (Mẫu số 06 – TT)
- Bảng kê vàng bạc, kim khí quý, đá quý (mẫu số 07 – TT)

- Bảng kiểm kê quỹ (dùng cho VNĐ) (mẫu số 08a – TT)
- Bảng kiểm kê quỹ (dùng cho ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý) (mẫu số 08b – TT)
- Bảng kê chi tiền (Mẫu số 09 – TT)
- Hoá đơn GTGT Tài khoản sử dụng và kết cấu tài khoản: Để hạch toán tiền mặt tại quỹ , kế toán sử dụng TK 111 “Tiền mặt”. Tài khoản 111 dùng để phản ánh tình hình thu , chi tồn quỹ tiền mặt gồm tiền Việt Nam (kể cả ngân phiếu) , ngoại tệ , vàng bạc , kim khí, đá quý của doanh nghiệp.

1.2.4. Tài khoản sử dụng:

Để hạch toán tiền mặt tại quỹ kế toán sử dụng TK 111 “Tiền mặt”. Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 111:

- Kết cấu TK 111 như sau:

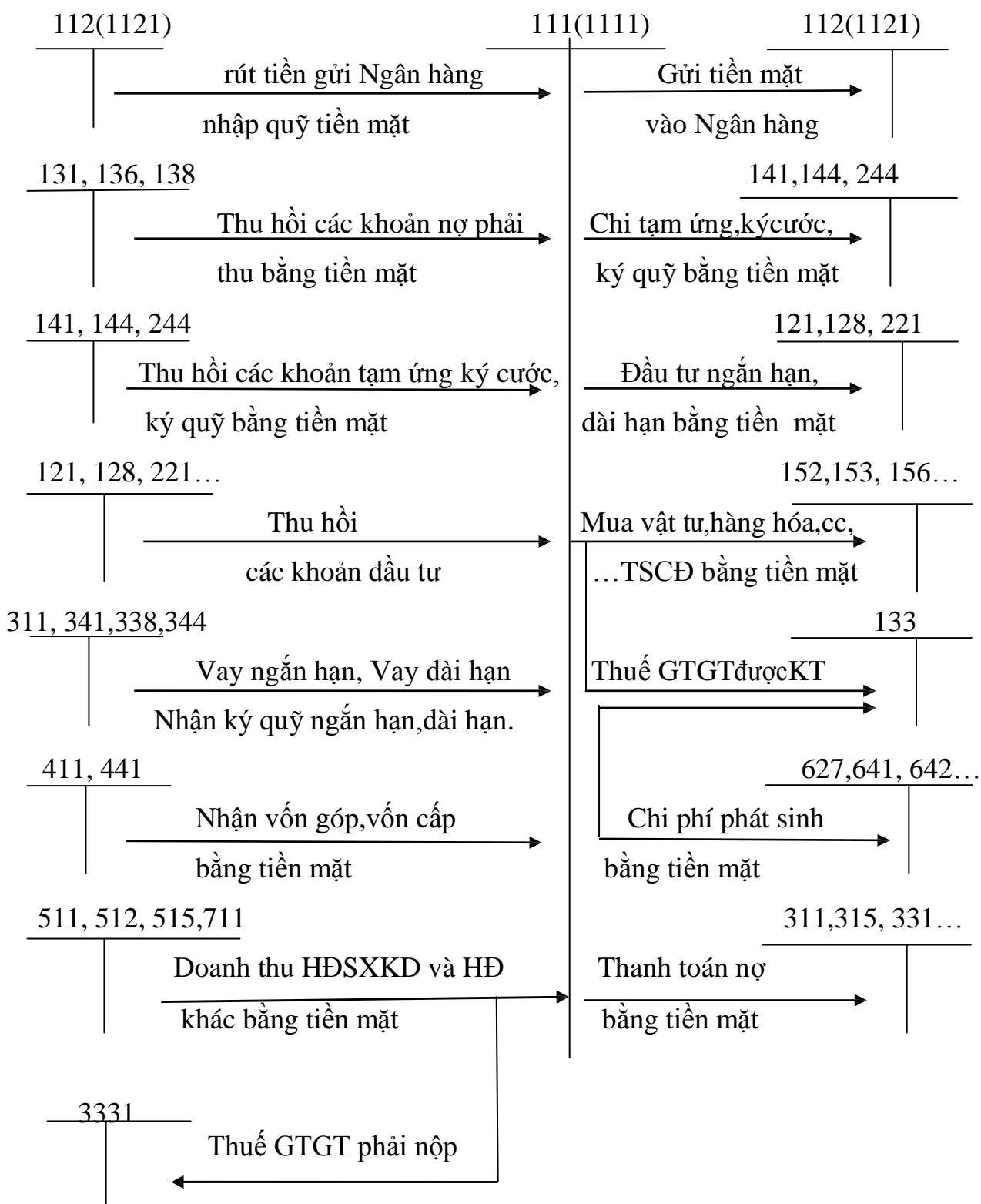
Nợ	TK 111	Có
<p><u>Số dư đầu kì:</u> Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý còn tồn quỹ tiền mặt từ kỳ trước.</p> <p>Phát sinh tăng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ - Số tiền mặt , ngoại tệ , vàng bạc, kim khí quý , đá quý thừa ở quỹ phát hiện khi kiểm kê - Chênh lệch tăng tỉ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kì (đối với tiền mặt ngoại tệ) 	<p>Phát sinh giảm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các khoản tiền mặt, ngoại tệ vàng bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ - Số tiền mặt, ngoại tệ , vàng bạc, kim khí quý, đá quý thiếu hụt ở quỹ phát hiện khi kiểm kê - Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kì (đối với tiền mặt ngoại tệ) 	
Tổng PS tăng		Tổng PS giảm
<p><u>Số dư cuối kì:</u> Các khoản tiền mặt, ngoại tệ , vàng bạc, kim khí quý, đá quý còn tồn quỹ tiền mặt cuối kì này</p>		

1.2.4 Phương pháp hạch toán kế toán một số hoạt động kinh tế chủ yếu

1.2.5.1 Kế toán tình hình biến động tiền mặt Việt Nam

Kế toán tiền mặt bằng tiền Việt Nam được thể hiện qua sơ đồ 1.1 như sau:

Sơ đồ 1.1. Kế toán tiền mặt (VNĐ)



1.2.5.2 Kế toán tình hình biến động ngoại tệ tại quỹ:

Đối với các đơn vị sản xuất, kinh doanh, khi phát sinh các nghiệp vụ về thu, chi ngoại tệ, kế toán phải thực hiện ghi sổ kế toán phải thực hiện ghi sổ kế toán và lập báo cáo kế toán bằng đơn vị tiền tệ thống nhất là “đồng” Việt Nam. Ngoài ra, nguyên tệ phải được theo dõi chi tiết trên tài khoản 007 “Ngoại tệ các loại” theo từng tài khoản “Tiền mặt”, “Tiền gửi ngân hàng”, “Tiền đang chuyển” (khi tăng ghi Nợ, khi giảm ghi Có) và trên sổ kế toán chi tiết công nợ phải thu, phải trả (với nợ có gốc ngoại tệ). Cuối kỳ, căn cứ vào số dư của các tài khoản phản ánh tiền bằng ngoại tệ, các tài khoản phản ánh khoản phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ để điều chỉnh theo tỷ giá thực tế. Theo chế độ hiện hành, các nghiệp vụ liên quan đến ngoại tệ được quy định hạch toán như sau:

Đối với tài khoản thuộc loại doanh thu, hàng tồn kho, tài sản cố định, chi phí sản xuất kinh doanh, chi phí khác, bên Nợ các tài khoản vốn bằng tiền, ...: khi phát sinh các nghiệp vụ kinh tế bằng ngoại tệ phải được ghi sổ kế toán bằng Đồng Việt Nam, hoặc bằng đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng tại thời điểm nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Đối với bên Có của các tài khoản vốn bằng tiền: khi phát sinh các nghiệp vụ kinh tế bằng ngoại tệ phải được ghi sổ kế toán bằng Đồng Việt Nam, hoặc bằng đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán theo tỷ giá ghi trên sổ kế toán (tỷ giá bình quân cả kỳ dự trữ; tỷ giá nhập trước, xuất trước, ...).

Đối với bên Có của các tài khoản nợ phải trả, hoặc bên Nợ của các tài khoản nợ phải thu: khi phát sinh các nghiệp vụ kinh tế bằng ngoại tệ phải được ghi sổ kế toán bằng Đồng Việt Nam, hoặc bằng đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán theo tỷ giá giao dịch. Cuối năm tài chính, các số dư Nợ phải trả hoặc dư Nợ phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm.

Đối với bên Nợ của các tài khoản nợ phải trả hoặc bên Có của các tài khoản nợ phải thu: khi phát sinh các nghiệp vụ kinh tế bằng ngoại tệ phải được

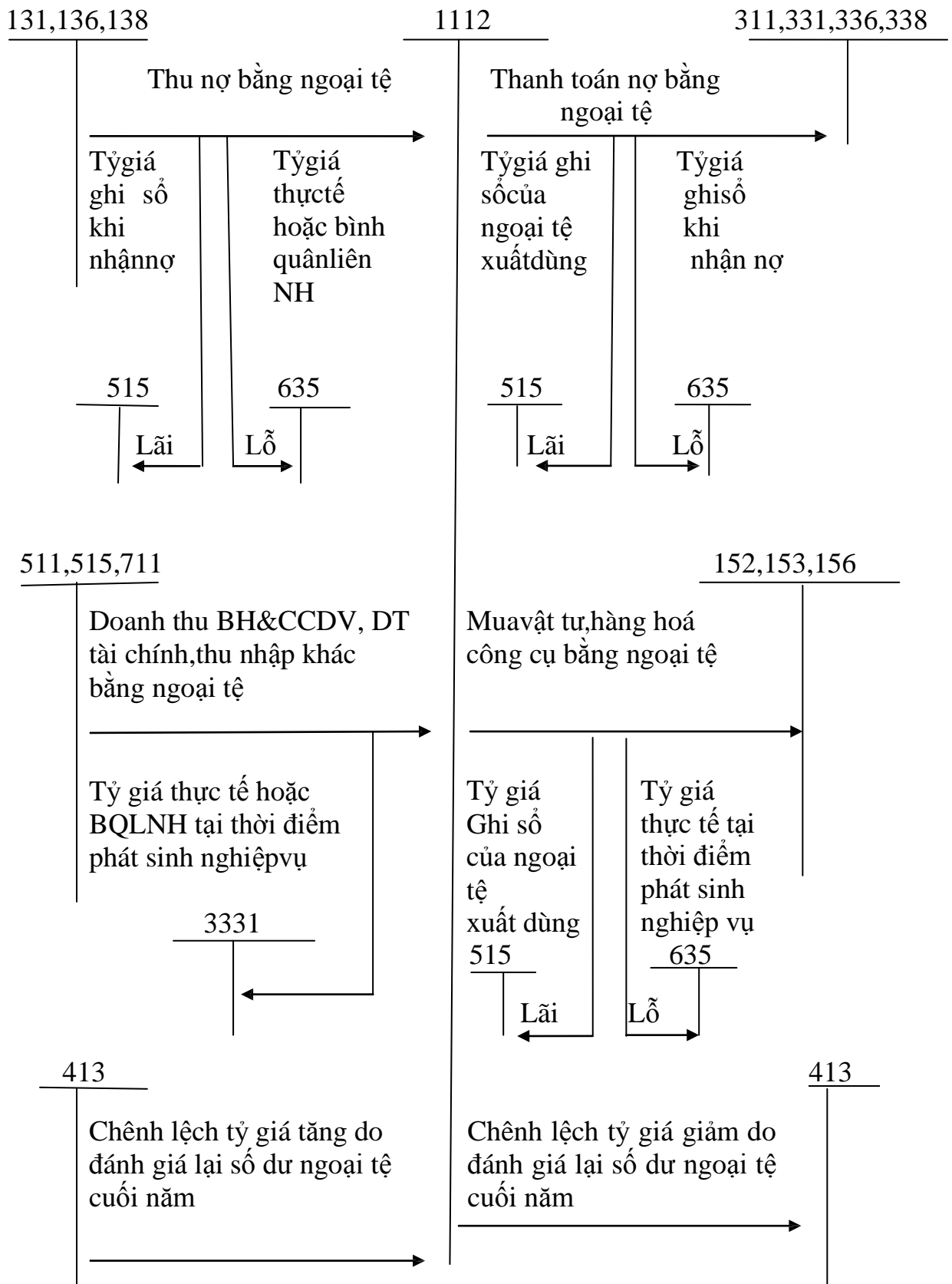
ghi sổ kế toán bằng Đồng Việt Nam, hoặc bằng đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán theo tỷ giá ghi trên sổ kế toán. cuối năm tài chính.

Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ: cuối năm tài chính, doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản mục này theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán cuối năm tài chính.

Đối với các trường hợp mua, bán ngoại tệ bằng Đồng Việt Nam: kế toán ghi sổ theo tỷ giá thực tế mua, bán. Tuy nhiên, trong thực tế, những quy định trên đây chỉ phù hợp với các doanh nghiệp phát sinh ít nghiệp vụ liên quan đến ngoại tệ. Đối với các doanh nghiệp phát sinh nhiều nghiệp vụ liên quan đến ngoại tệ: để giảm nhẹ việc ghi sổ kế toán, có thể sử dụng tỷ giá hạch toán để ghi chép ở các tài khoản phản ánh tiền, các tài khoản phải thu và các tài khoản phải trả có gốc ngoại tệ. Riêng đối với các khoản chi phí cho các hoạt động kinh doanh; chi mua sắm vật tư, tài sản, hàng hoá; các khoản doanh thu bán hàng, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập hoạt động khác bằng ngoại tệ phải được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Khoản chênh lệch về tỷ giá được ghi trực tiếp vào doanh thu hay chi phí tài chính.

Kế toán tổng hợp thu chi tiền mặt bằng ngoại tệ được thể hiện qua sơ đồ 1.2:

Sơ đồ 1.2. Kế toán tiền mặt ngoại tệ



Tất cả các nghiệp vụ trên đều phải đồng thời ghi đơn TK 007-Ngoại tệ các loại

007

Thu nợ bằng ngoại tệ	Thanh toán nợ bằng ngoại tệ
Doanh thu, doanh thu tài chính	Mua vật tư, hàng hóa, công cụ
Thu nhập khác bằng ngoại tệ	bằng ngoại tệ

1.3. Kế toán tiền gửi ngân hàng

1.3.1. Nguyên tắc hạch toán tiền gửi ngân hàng

Khi phát hành các chứng từ tài khoản TGNH, các doanh nghiệp chỉ được phép phát hành trong phạm vi số dư tiền gửi của mình. Nếu phát hành quá số dư là doanh nghiệp vi phạm kỷ luật thanh toán và phải chịu phạt theo chế độ quy định. Chính vì vậy, kế toán trưởng phải thường xuyên phản ánh được số dư tài khoản phát hành các chứng từ thanh toán.

Khi nhận được các chứng từ do ngân hàng gửi đến kế toán phải kiểm tra đối chiếu với các chứng từ gốc kèm theo. Trường hợp có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán của doanh nghiệp, số liệu ở chứng từ gốc với số liệu trên chứng từ của Ngân hàng thì doanh nghiệp phải thông báo cho ngân hàng để cùng đối chiếu xác minh và xử lý kịp thời. Nếu đến cuối kỳ vẫn chưa xác định rõ nguyên nhân chênh lệch thì kế toán ghi sổ theo giấy báo hay bản sao kê của Ngân hàng. Số chênh lệch được ghi vào các Tài khoản chờ xử lý. Sang kỳ sau phải tiếp tục kiểm tra đối chiếu tìm nguyên nhân chênh lệch để điều chỉnh lại số liệu đã ghi sổ.

Trường hợp doanh nghiệp mở TK TGNH ở nhiều ngân hàng thì kế toán phải tổ chức hạch toán chi tiết theo từng ngân hàng để tiện cho việc kiểm tra đối chiếu. Tại những đơn vị có bộ phận phụ thuộc cần mở tài khoản chuyên thu, chuyên chi phù hợp để thuận tiện cho công tác giao dịch, thanh toán. Kế toán phải mở sổ chi tiết để giám sát chặt chẽ tình hình sử dụng từng loại tiền gửi nói trên.

Trường hợp gửi tiền vào ngân hàng bằng ngoại tệ thì phải được quy đổi ra

đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc giao dịch bình quân trên thị trường tiền tệ liên Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố .

Trường hợp mua ngoại tệ gửi vào ngân hàng được phản ánh theo tỷ giá mua thực tế. Trường hợp rút tiền gửi từ ngân hàng bằng ngoại tệ thì được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá đang phản ánh trên sổ kế toán TK 1122 theo một trong các phương pháp: bình quân gia quyền, nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước.

Trong giai đoạn sản xuất kinh doanh (kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản của doanh nghiệp sản xuất kinh doanh) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tiền gửi ngoại tệ nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch này được hạch toán vào bên có TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính” (lãi tỷ giá) hoặc vào bên nợ TK 635 “Chi phí tài chính” (lỗ tỷ giá).

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch tỷ giá liên quan đến tiền gửi ngoại tệ này được hạch toán vào TK 413 “Chênh lệch tỷ giá hối đoái”.

1.3.2. Chứng từ sử dụng

- Giấy báo nợ, giấy báo có, bản sao kê của ngân hàng.
- Séc chuyển khoản, séc định mức, séc bảo chi, uỷ nhiệm thu, uỷ nhiệm chi.

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ “Báo Nợ”, “Báo Có” của ngân hàng ghi vào các sổ kế toán tổng hợp. Kế toán tiền gửi ngân hàng sử dụng các sổ kế toán tổng hợp tùy thuộc vào hình thức kế toán đơn vị áp dụng.

1.3.3. Kết cấu và tài khoản kế toán sử dụng

a. Tài khoản sử dụng

Tài khoản để hạch toán tiền gửi Ngân hàng là TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng, có 3 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 1121 - Tiền Việt Nam: Phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại Ngân hàng bằng Đồng Việt Nam.

- Tài khoản 1122 - Ngoại tệ: Phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại Ngân hàng bằng ngoại tệ các loại đã quy đổi ra đồng Việt Nam

- Tài khoản 1123 - Vàng, bạc, kim loại quý, đá quý: Phản ánh giá trị vàng, bạc, kim loại quý, đá quý, rút ra và hiện đang gửi tại Ngân hàng.

b. Kết cấu

* Để phản ánh tình hình tăng giảm và số hiện có về các khoản tiền gửi của doanh nghiệp, kế toán sử dụng tài khoản 112 – “Tiền gửi ngân hàng”, tài khoản này có kết cấu như sau:

Nợ	TK 112	Có
<p>Số dư đầu kì: Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý gửi vào ngân hàng tồn từ kỳ trước.</p> <p>Phát sinh tăng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ vàng bạc, kim khí quý, đá quý gửi vào ngân hàng - Chênh lệch tăng tỉ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kì (đối với tiền mặt ngoại tệ) 		<p>Phát sinh giảm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý ra từ ngân hàng. - Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kì (đối với tiền mặt ngoại tệ)
Tổng PS tăng		Tổng PS giảm
<p>Số dư cuối kì: Số tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý hiện còn gửi tại ngân hàng</p>		

1.3.4. Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu về tiền gửi ngân hàng

1.3.4.1. Kế toán tiền gửi ngân hàng bằng tiền Việt Nam

a. Chứng từ sử dụng

- Giấy báo có
- Giấy báo nợ
- Bản sao kê của Ngân hàng

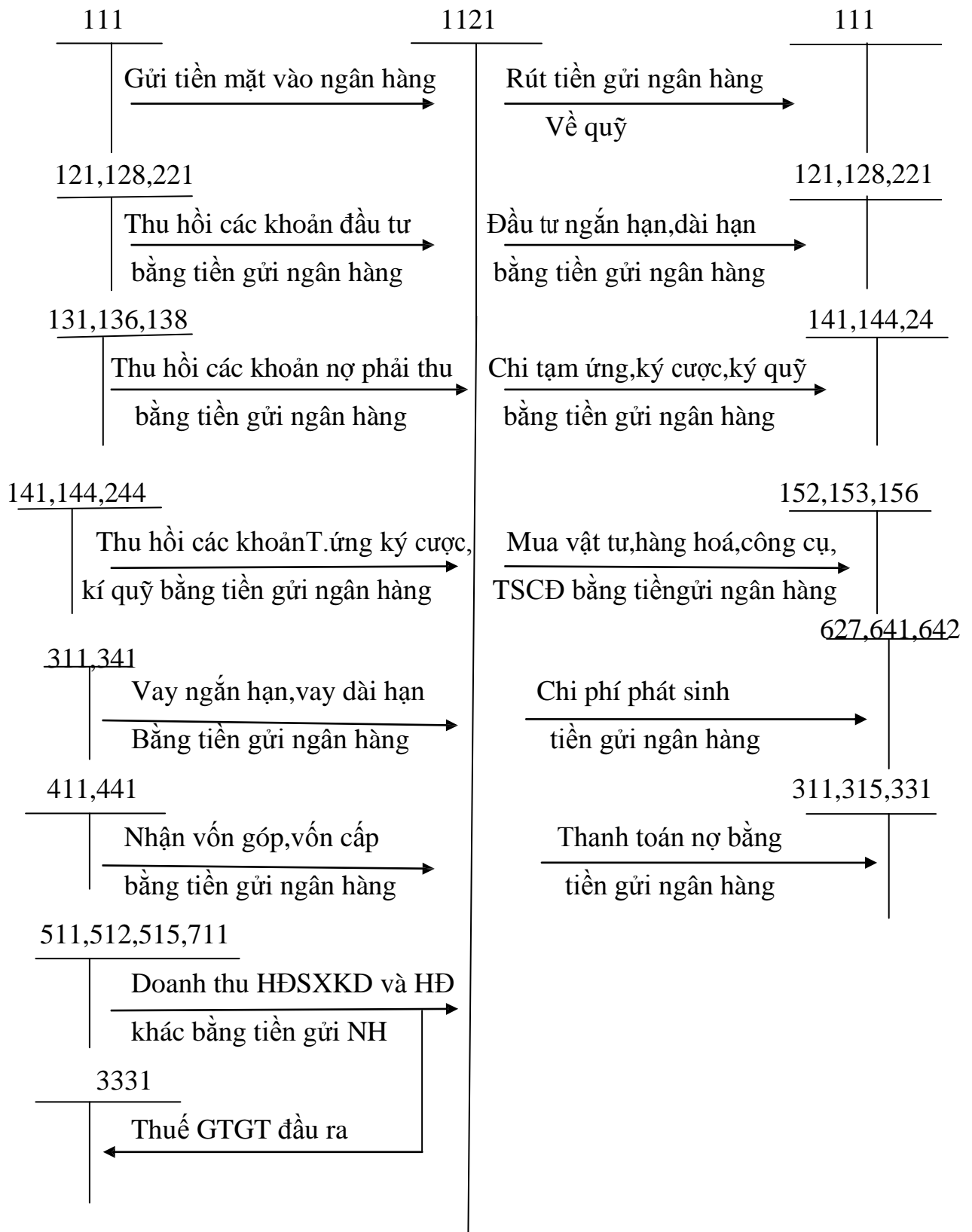
Các chứng từ khác như séc chuyển khoản, séc định mức, séc bảo chi, ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu...

Căn cứ để hạch toán tiền gửi ngân hàng là giấy báo có, giấy báo nợ hoặc bảng kê của ngân hàng kèm theo các chứng từ gốc (ủy nhiệm thu, chi)

Khi nhận các chứng từ của ngân hàng gửi đến, kế toán phải kiểm tra đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo. Trường hợp có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán của đơn vị, số liệu ở chứng từ gốc với số liệu trên chứng từ của ngân hàng thì đơn vị phải thông báo cho ngân hàng để cùng đối chiếu xác minh và xử lý kịp thời nếu cuối tháng vẫn chưa xác định rõ nguyên nhân của chênh lệch thì kế toán ghi sổ theo số liệu trong giấy báo hay bảng sao kê của ngân hàng. Sang tháng sau phải tiếp tục kiểm tra, đối chiếu và tìm ra nguyên nhân chênh lệch để điều chỉnh số liệu ghi sổ.

b. Tài khoản sử dụng : TK 1121 - Tiền gửi Việt Nam

Sơ đồ 1.4. Kế toán tiền gửi ngân hàng bằng tiền Việt Nam

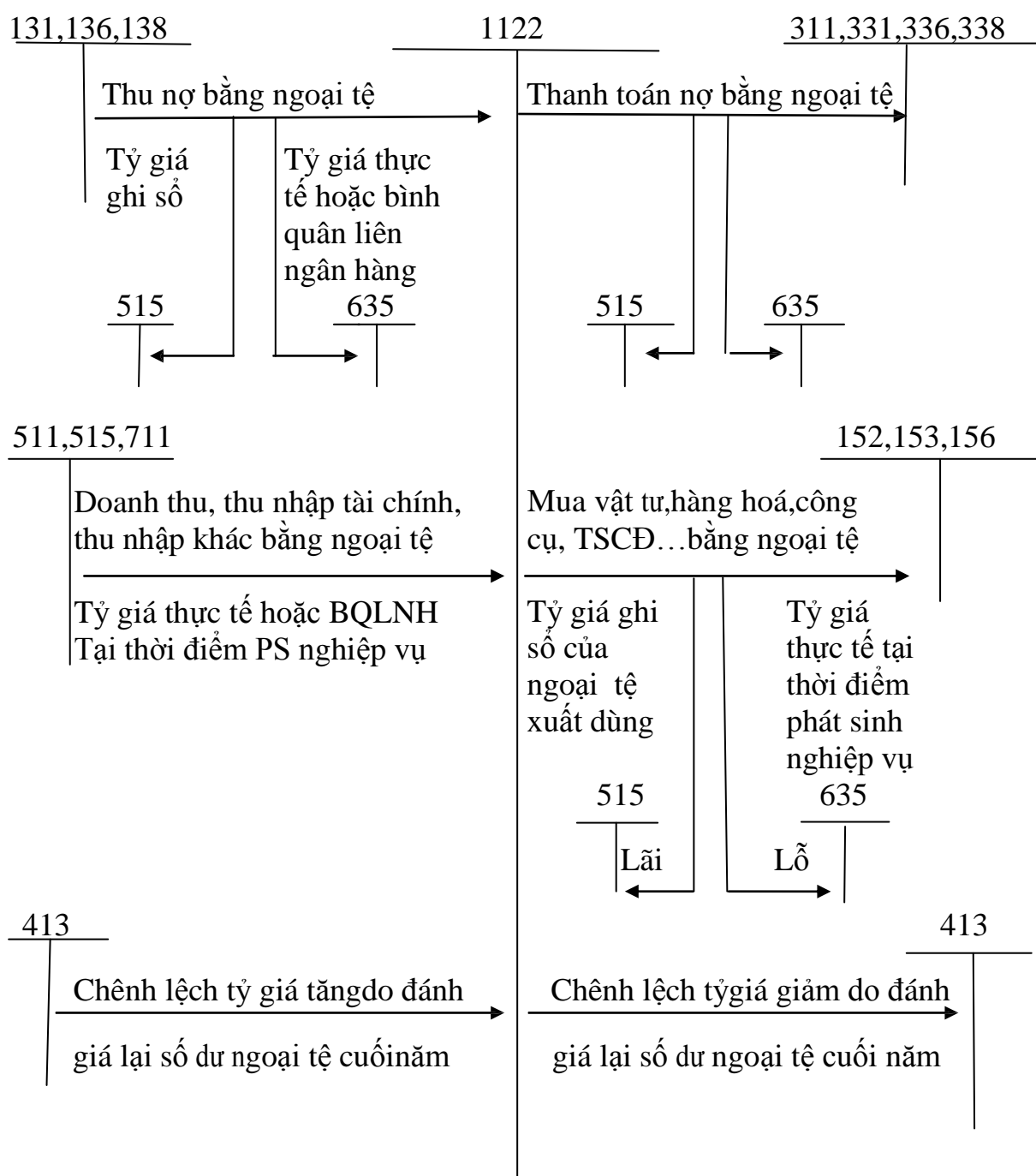


1.3.4.2. Kế toán tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ:

Ở thời điểm cuối năm tài chính, doanh nghiệp phải đánh giá các khoản tiền gửi ngoại tệ theo tỷ giá hối đoái ở thời điểm cuối năm tài chính là tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam công bố tại thời điểm cuối năm tài chính. Doanh nghiệp phải hạch toán chi tiết khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ này của hoạt động đầu tư XDCB giai đoạn trước hoạt động vào TK 4132 và của hoạt động sản xuất, kinh doanh vào TK 4131.

Kế toán tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.5. Kế toán tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ



Tất cả các nghiệp vụ trên đều phải đồng thời ghi đơn TK 007-Ngoại tệ các loại

007

Thu nợ bằng ngoại tệ	Thanh toán nợ bằng ngoại tệ
Doanh thu, doanh thu tài chính	Mua vật tư, hàng hóa, công cụ
Thu nhập khác bằng ngoại tệ	bằng ngoại tệ

1.4.1 Kế toán tiền đang chuyển

Tiền đang chuyển là các khoản tiền của doanh nghiệp đã nộp vào ngân hàng, kho bạc Nhà nước, đã qua bưu điện để chuyển qua ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Có, trả cho đơn vị khác hay đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản tại ngân hàng để trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo Nợ hay bảng sao kê của ngân hàng.

Tiền đang chuyển bao gồm Tiền Việt Nam và ngoại tệ đang chuyển trong các trường hợp sau:

- ❖ Thu tiền mặt hoặc séc nộp thẳng vào ngân hàng
- ❖ Chuyển tiền qua bưu điện để trả cho đơn vị khác
- ❖ Thu tiền bán hàng nộp thuế vào kho bạc nhà nước

Tiền đang chuyển là tài sản bằng tiền, thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, đang nằm trong quá trình trung gian khi những nghiệp vụ kinh tế chưa hoàn thành. Đây là một trong những nội dung cần quản lý chặt chẽ nhằm thực hiện tốt những trách nhiệm khác, không để sai sót khi những nghiệp vụ kinh tế cuối chưa hoàn thành.

1.4.2 Chứng từ sử dụng:

- ❖ Giấy nộp tiền
- ❖ Biên lai thu tiền
- ❖ Phiếu chuyển tiền
- ❖ Một số chứng từ khác liên quan

1.4.3 Tài khoản sử dụng

Tài khoản 113” Tiền đang chuyển có 2 tài khoản cấp 2

- TK 1131” Tiền Việt Nam phản ánh số tiền Việt Nam đang chuyển
- TK 1132” Ngoại tệ phản ánh số ngoại tệ đang chuyển

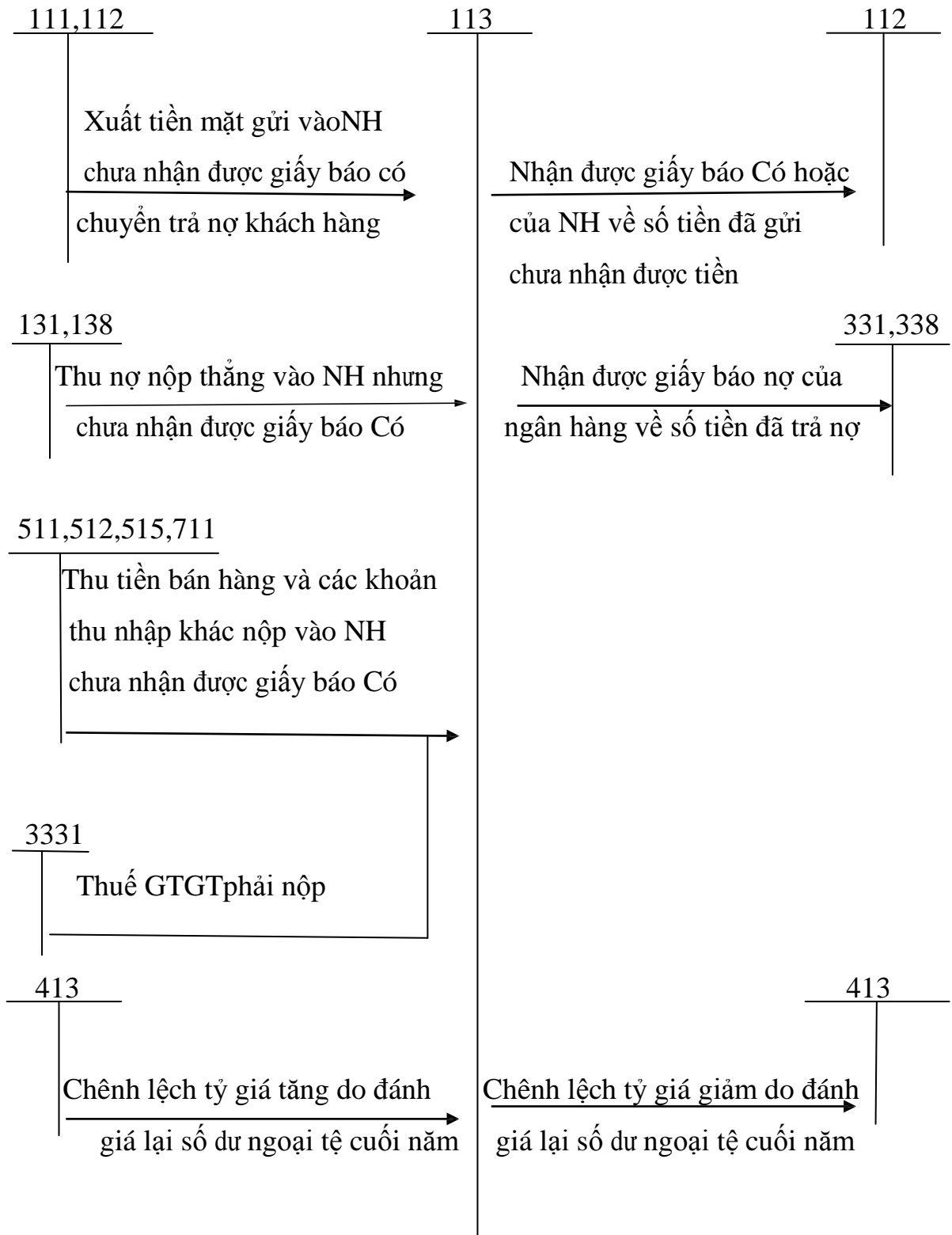
Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 113

1.4.4 Phương pháp hạch toán

Nợ	TK 113	Có
<p>Số dư đầu kì: Các khoản tiền còn đang Chuyển cuối kỳ trước</p> <p>Phát sinh tăng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các khoản tiền mặt hoặc séc bằng Tiền Việt Nam, ngoại tệ đã nộp vào ngân hàng hoặc đã gửi bưu điện để chuyển vào ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Có - Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kì 		<p>Phát sinh giảm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số kết chuyển vào TK 112 Tiền gửi ngân hàng hoặc tài khoản có liên quan - Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kì
Tổng PS tăng		Tổng PS giảm
<p>Số dư cuối kì: Khoản tiền đang còn Chuyển cuối kỳ</p>		

1.4.5. Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu về tiền đang chuyển

Sơ đồ 1.6. Kế toán tiền đang chuyển



1.5. Tổ chức vận dụng sổ sách trong công tác kế toán vốn bằng tiền trong DN.

✓ Hình thức ghi sổ kế toán trong doanh nghiệp bao gồm: số lượng các mẫu sổ, kết cấu từng loại sổ, trình tự và phương pháp ghi chép từng loại sổ, mối quan hệ giữa các loại sổ kế toán với nhau và giữa sổ kế toán và báo cáo kế toán.

✓ Việc lựa chọn nội dung và hình thức ghi sổ kế toán cho phù hợp với doanh nghiệp phụ thuộc vào một số điều kiện sau:

✓ Đặc điểm của từng loại hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, tính chất phức tạp của hoạt động tài chính, quy mô doanh nghiệp lớn hay nhỏ, khối lượng nghiệp vụ kinh tế phát sinh nhiều hay ít

✓ Yêu cầu của công tác quản lý. trình độ của cán bộ quản lý

✓ Trình độ nghiệp vụ và năng lực công tác của nhân viên kế toán

✓ Điều kiện và phương tiện vật chất phục vụ cho công tác kế toán

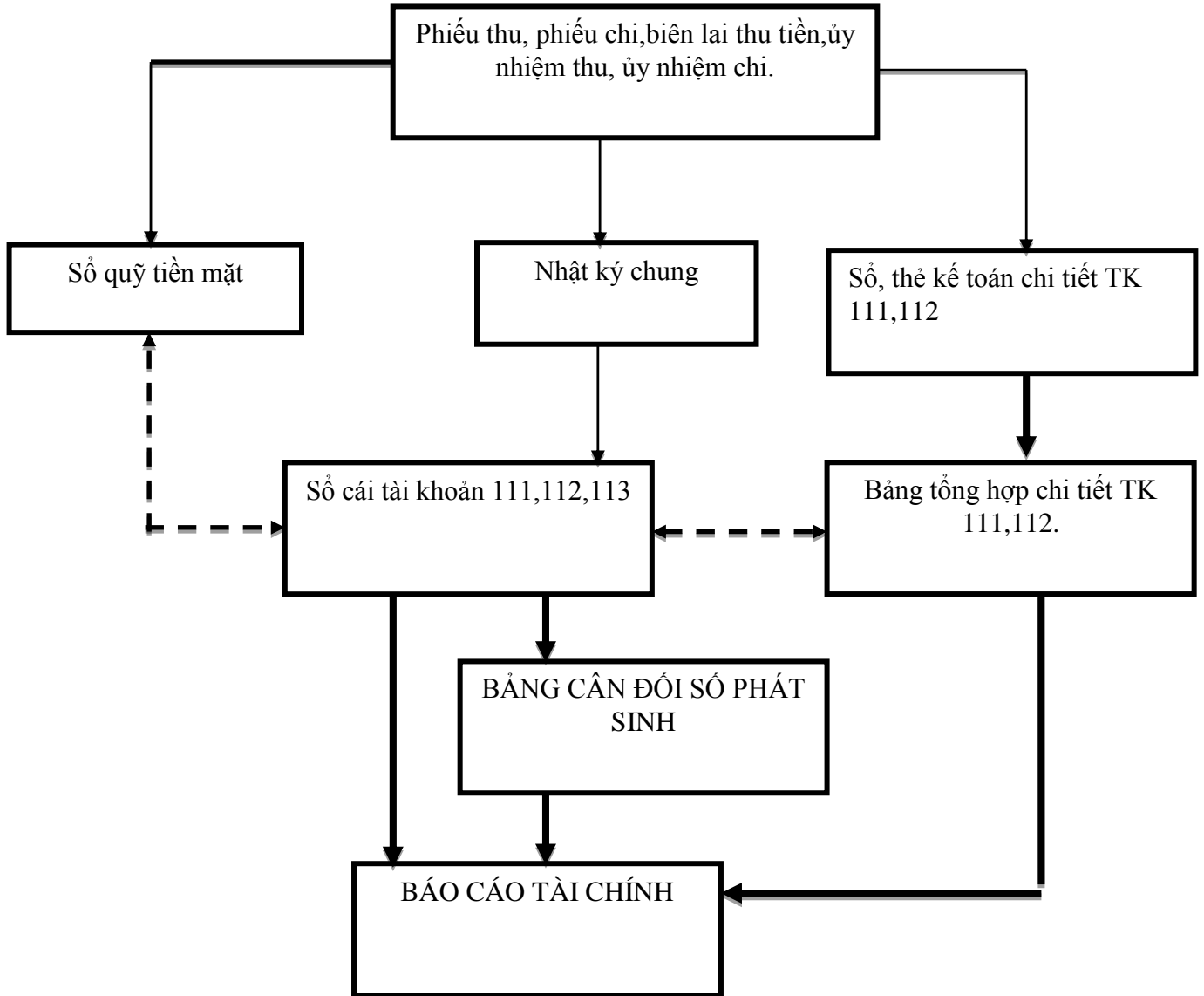
Hiện nay theo chế độ quy định 5 hình thức ghi sổ kế toán sau:

- Hình thức Nhật kí chung
- Hình thức Nhật kí _sổ cái
- Hình thức Chứng từ ghi sổ
- Hình thức Nhật kí _chứng từ
- Hình thức Kế toán máy

Tùy theo đặc điểm sản xuất kinh doanh và quy mô của doanh nghiệp mà mỗi doanh nghiệp lựa chọn hình thức ghi sổ khác nhau.

Hằng ngày căn cứ vào phiếu thu, phiếu chi, giấy báo nợ, giấy báo có... hợp lệ kế toán định khoản kế toán rồi ghi vào sổ NKC theo thứ tự thời gian. Trường hợp đơn vị mở sổ nhật ký đặc biệt thì hàng ngày căn cứ vào các chứng từ gốc ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ nhật ký đặc biệt. Sau đó căn cứ vào số liệu trên sổ NKC để ghi vào sổ cái TK111,112,113. Đồng thời với việc ghi sổ NKC các nghiệp vụ được ghi vào sổ kế toán chi tiết TK111,112,113. Cuối tháng, cuối quý ,cuối năm cộng số liệu trên sổ cái để lập bảng cân đối phát sinh số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng giữa sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết thì được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

Sơ đồ 1.7: Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức kế toán nhật ký chung.



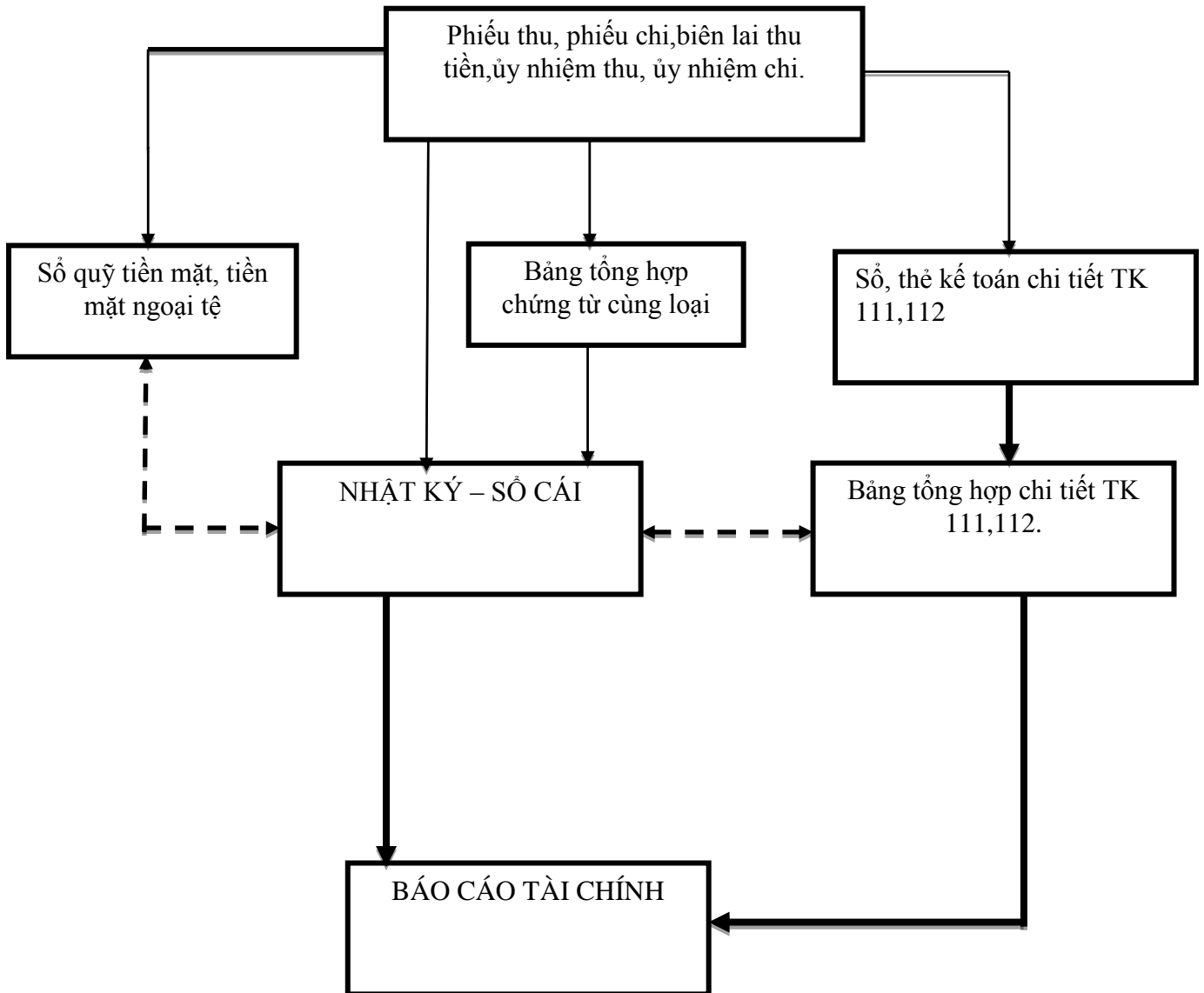
Ghi chú :

Ghi hàng ngày : ←

Ghi cuối tháng : ←

Quan hệ đối chiếu: ← - - - →

**Sơ đồ 1.8. Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền
theo hình thức kế toán nhật ký – sổ cái**



*Ghi chú :

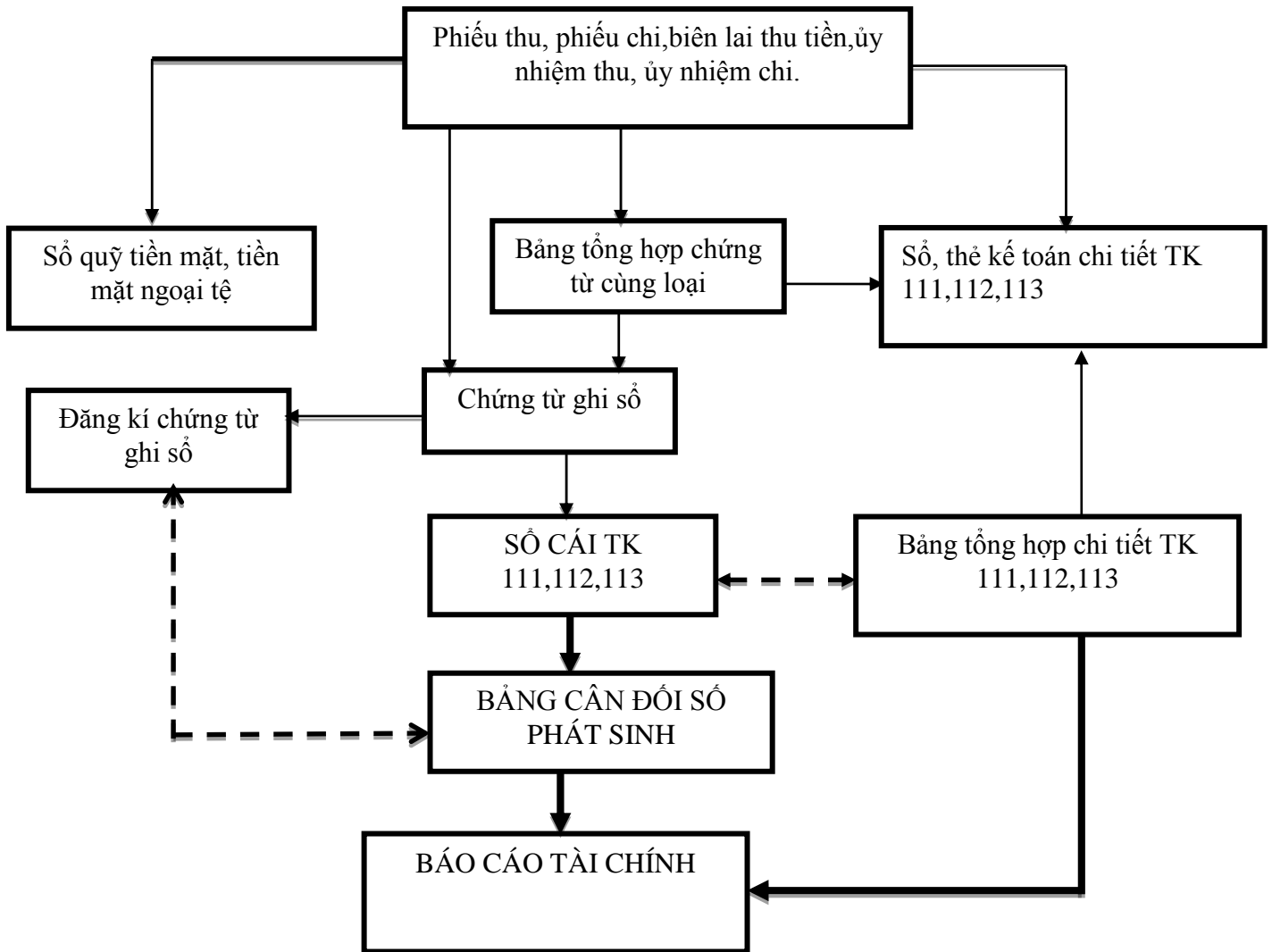
Ghi hàng ngày : ←

Ghi cuối tháng : ←

Quan hệ đối chiếu: ← - - - →

Sơ đồ 1.9

**Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền
theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ**



*Ghi chú :

Ghi hàng ngày : ←—————

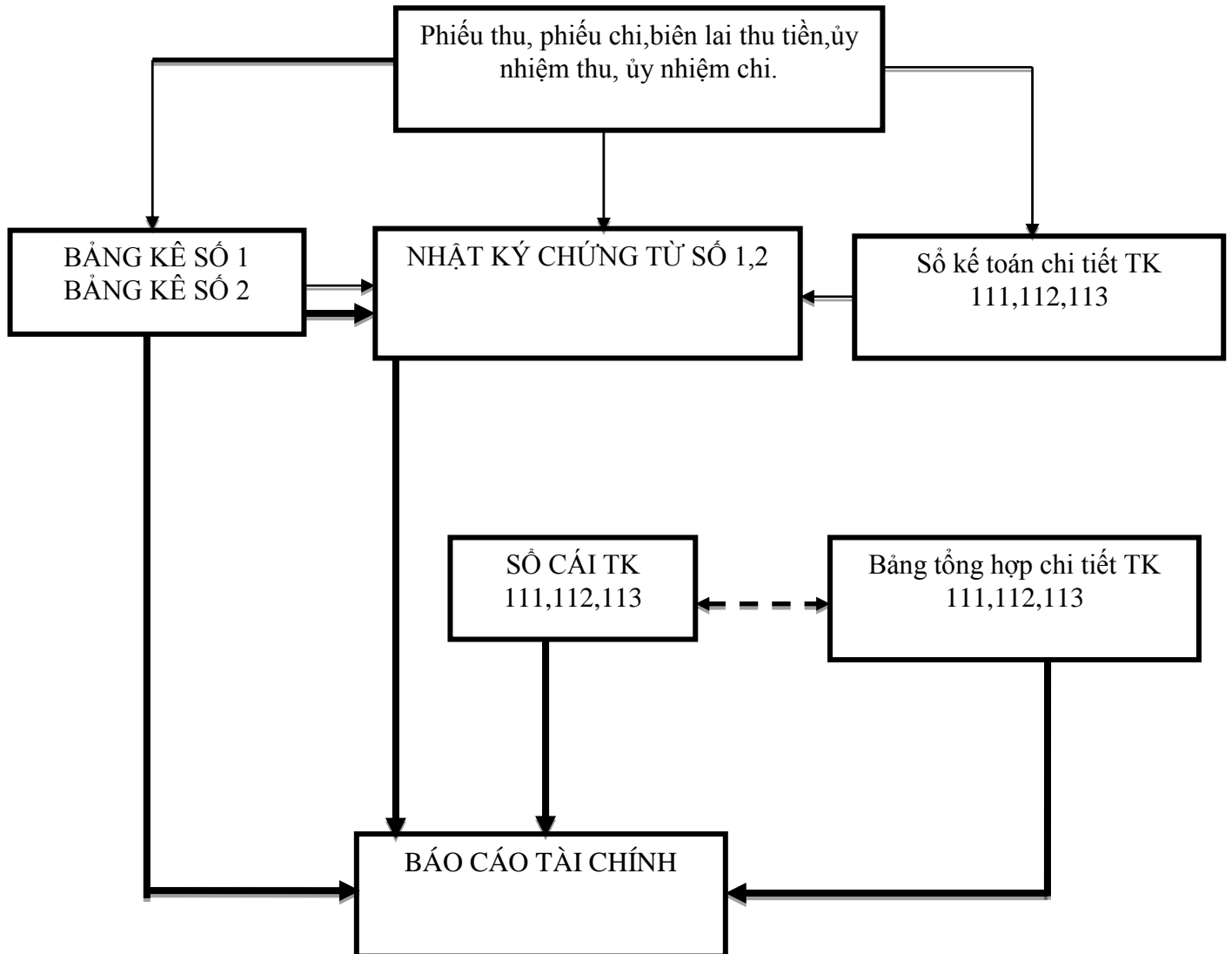
Ghi cuối tháng : ←—————

Quan hệ đối chiếu: ← - - - - →

Hàng ngày căn cứ vào phiếu thu, phiếu chi, giấy báo nợ, giấy báo có... hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, kế toán lập chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào sổ cái TK111,112,113. Cuối tháng, cuối quý căn cứ vào sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã đối chiếu sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết .

Sơ đồ 1.10.

**Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền
theo hình thức kế toán nhật ký – chứng từ**



*Ghi chú :

Ghi hàng ngày : ←

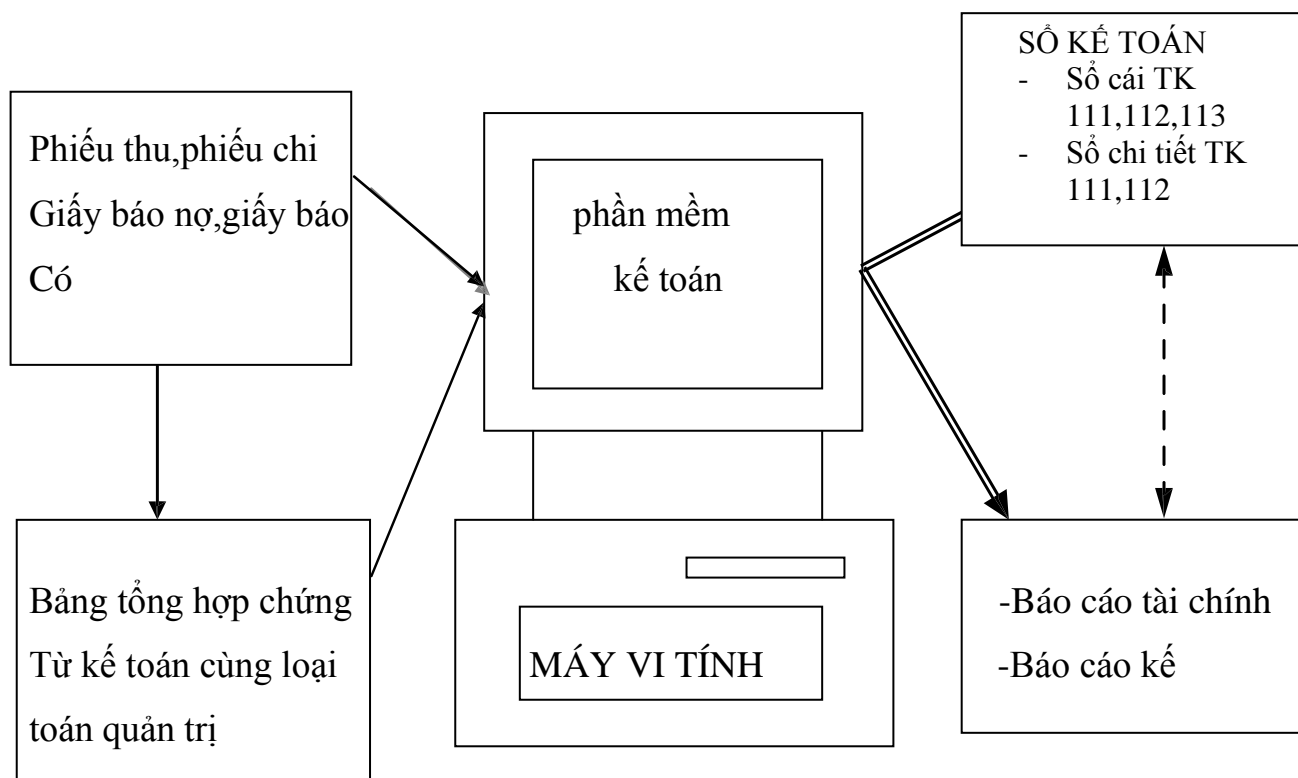
Ghi cuối tháng : ←

Quan hệ đối chiếu: ← - - - →

Hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc ghi trực tiếp vào các Nhật ký - chứng từ hoặc bản kê, sổ chi tiết có liên quan. Cuối tháng khóa sổ cộng số liệu trên các nhật ký chứng từ kiểm tra đối chiếu số liệu trên các nhật ký chứng từ với các sổ thẻ kế toán chi tiết TK111,112,113, bảng tổng hợp chi tiết TK111,112,113 rồi ghi trực tiếp vào sổ cái TK111,112,113. Số liệu tổng cộng ở sổ cái và một số chỉ tiêu chi tiết trong Nhật ký chứng từ số 1, số 2, bảng kê số 1, số 2 và các bảng tổng hợp chi tiết

TK111,112,113 được dùng để lập báo cáo tài chính.

**Sơ đồ 1.11.Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền
theo hình thức kế toán trên máy vi tính**



Ghi hàng ngày : \longrightarrow

Ghi cuối tháng ,cuối năm : \Longrightarrow

Đối chiếu,kiểm tra: \longleftrightarrow

Hằng ngày kế toán căn cứ vào phiếu thu, phiếu chi, giấy báo nợ, giấy báo có... hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại để nhập dữ liệu vào máy tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán. Cuối tháng (cuối quý) hoặc bất kỳ thời điểm nào cần thiết kế toán thực hiện thao tác khóa sổ và lập báo cáo tài chính. Cuối tháng, cuối quý, hoặc cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI HÙNG AN

2.1. Tổng quan về công ty cổ phần DVTM Hùng An

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty DVTM Hùng An

Tên tiếng anh : HUNG AN STOCK TRADING SERVICES COMPANY

Tên công ty : CÔNG TY CPDV THƯƠNG MẠI HÙNG AN

Địa chỉ : Km 6+200 đường Hùng Vương-Hồng Bàng –Hải Phòng

Điện thoại : 0313.975.270

Mã số ĐKKD : 0203000323

Mã số thuế : 0200510079

Giám đốc công ty : Lê Thị Kim.

Là một doanh nghiệp nhỏ, nhưng với thiện chí và sự nhiệt tình và chăm chỉ, từ chỉ có 5 công nhân và bây giờ hơn 16 công nhân, công ty cam kết đem đến cho khách hàng những sản phẩm và dịch vụ sau bán tốt nhất. Gần 10 năm xây dựng và phát triển công ty đã phát triển nhanh chóng về mọi mặt như cơ sở hạ tầng, quản lý, sản xuất năng động và sáng tạo, làm việc có hiệu quả, nhân viên có việc làm ổn định và nâng cao đời sống công nhân, đóng góp một phần nhỏ vào sự phát triển của tỉnh nhà.

Trong buổi đầu sơ khai, với quy mô là một công ty nhỏ, cơ sở vật chất cũng như mẫu mã hàng hóa còn đơn điệu. Đến năm 2005 trước yêu cầu đổi mới của nền kinh tế, công ty đã thực hiện sản xuất kinh doanh đáp ứng theo nhu cầu của thị trường, đảm bảo nâng cao đời sống công nhân viên. Đặc biệt trong giai đoạn này, đất nước ta mở cửa, do đó công ty cũng đòi hỏi nhiều đổi mới về chất lượng dịch vụ, mẫu mã đa dạng mang đến nhiều sự lựa chọn cho khách hàng. Đồng thời công ty lấy việc tổ chức học tập, đào tạo nâng cao tay nghề cho công nhân viên làm tiền đề cơ bản cho quá trình đổi mới và phát triển.

Trong suốt quá trình kể từ khi thành lập đến nay Công ty chưa có sự thay đổi về trụ sở, Công ty luôn hoạt động theo đúng ngành nghề đã đăng ký kinh doanh dưới sự giám sát của Sở kế hoạch đầu tư TP Hải Phòng và chi cục thuế TP Hải Phòng, Công ty thực hiện báo cáo các chỉ tiêu theo yêu cầu của phòng thống kê TP Hải Phòng, khai báo quyết toán thuế với Chi cục thuế TP Hải Phòng.

-Tu cách pháp lý

Công ty CPDVTM Hùng An được thành lập trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0203000323 do phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư TP Hải Phòng cấp ngày 21 tháng 01 năm 2003.

* Hình thức công ty: Công ty Cổ phần dịch vụ.

* Quy mô doanh nghiệp: Vừa và nhỏ.

2.1.2 Ngành nghề kinh doanh

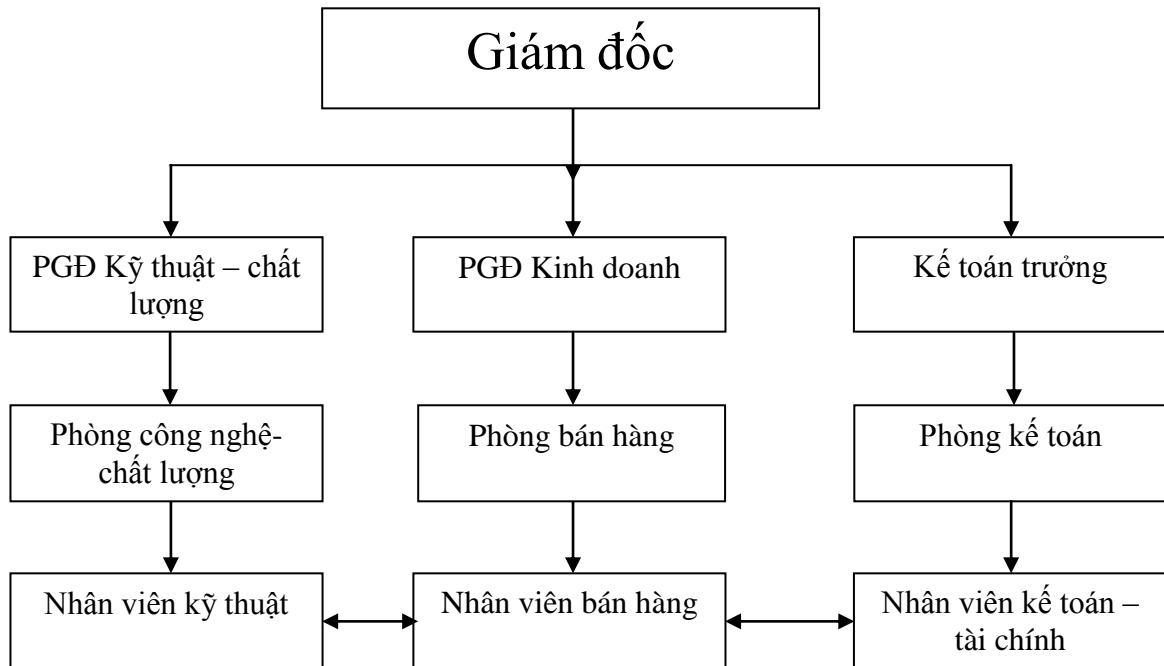
- Kinh doanh các sản phẩm điện máy, điện gia dụng, các sản phẩm hàng hóa khác thuộc danh mục hàng hóa pháp luật không cấm.

- Hợp tác, liên doanh, làm đại lý cho các công ty khác trong nước và ở nước ngoài để mở rộng sản xuất kinh doanh của công ty. Làm đại lý cho các hãng điện tử lớn như SONY, SAMSUNG, LG, PANASONIC, TOSHIBA, HÒA PHÁT, HP,

2.1.3 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty CPDVTM Hùng An

Bộ máy quản lý của Công ty CPDVTM Hùng An được tổ chức, theo mô hình bàn bạc tìm những giải pháp tối ưu cho những vấn đề phức tạp. Những quyết định quản lý do các phòng ban chức năng nghiên cứu, đề xuất khi được Giám đốc thông qua thì biến thành mệnh lệnh từ trên xuống theo tuyến đã định. Với cách tổ chức bộ máy quản lý theo mô hình trực tuyến chức năng Công ty đã phát huy tối đa năng lực chuyên môn của các bộ phận chức năng mà vẫn đảm bảo sự chỉ huy thống nhất của lãnh đạo.

**Sơ đồ 2.1: Mô hình tổ chức bộ máy quản lý Công ty cổ phần DVTM
Hùng An**



Trong đó:

→ : Mối quan hệ điều hành trực tiếp

↔ : Mối quan hệ trao đổi thông tin

- **Giám đốc:** Là người quản lý điều hành toàn bộ các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty và chịu trách nhiệm trước pháp luật, là người đại diện cho công ty, có quyền hạn cao nhất trong công ty.

- **Phó giám đốc:** Do giám đốc đề nghị, có nhiệm vụ hỗ trợ giám đốc trong quá trình điều hành công ty, chịu sự chỉ đạo của giám đốc. là người tham mưu giúp việc cho giám đốc. Được giám đốc ủy quyền giải quyết các công việc khi giám đốc đi vắng.

- **Nhân viên kỹ thuật:** Có nhiệm vụ lắp đặt sản phẩm tại nhà cho khách hàng, sửa chữa, bảo hành sản phẩm, giải đáp các thắc mắc của khách hàng liên quan đến vấn đề kỹ thuật.

- **Nhân viên kế toán:** có nhiệm vụ vào sổ các chứng từ khi bán hàng, lập các báo cáo tài chính...

Nhìn vào sơ đồ tổ chức ta có thể nhận thấy cơ cấu tổ chức quản lý và điều

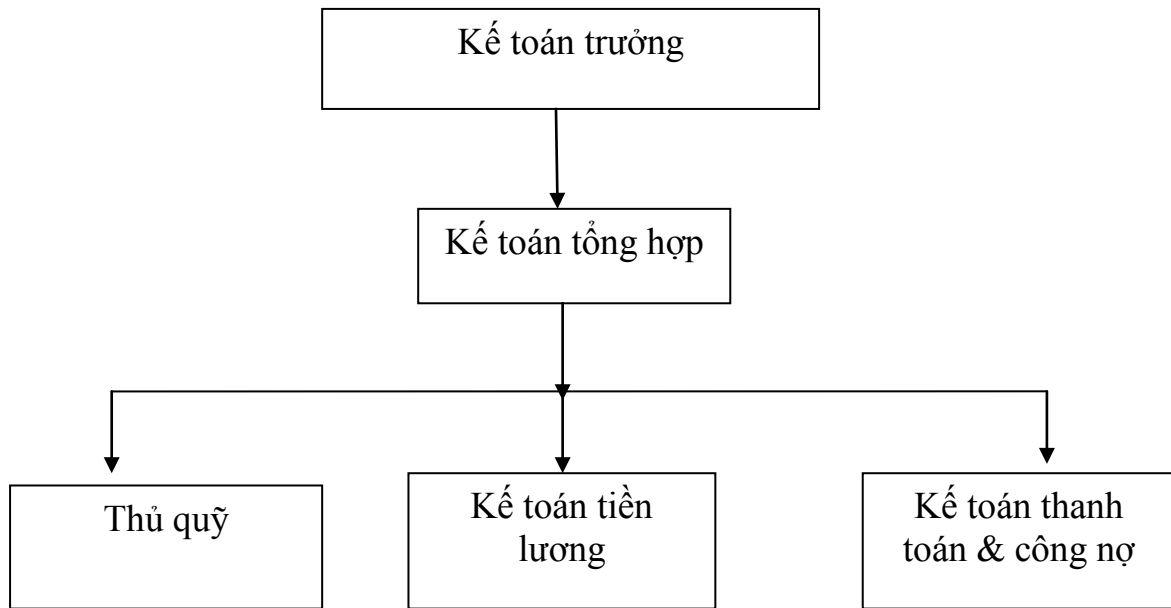
hành của công ty CPDVTM Hùng An theo mô hình trực tuyến chức năng – cơ cấu tổ chức phổ biến hiện nay. Với cấu tổ chức quản lý này, nó đảm bảo tính thống nhất trong hoạt động quản trị, nó giúp cho quản lý công ty không bị chông chéo, mâu thuẫn. Mặt khác nó cũng có nhược điểm: đòi cấp trên phải có trình độ tổng hợp.

2.1.4 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty CPDVTM Hùng An

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán ở công ty gồm 6 nhân viên ngoài ra còn có một thủ kho làm công tác nhập, xuất vật tư cho các phân xưởng, tập hợp chứng từ chi phí ban đầu, phân loại chứng từ chi phí gửi về phòng tài chính - kế toán công ty. Bộ máy kế toán được tổ chức theo mô hình tập trung, có nghĩa là đơn vị chỉ mở một bộ sổ kế toán, tổ chức một bộ máy kế toán để thực hiện tất cả các giai đoạn hạch toán tất cả các phần hành kế toán. Với bộ máy kế toán gọn nhẹ nên việc phân công công việc cũng dễ dàng. Hàng ngày chứng từ về phòng kế toán, kế toán thanh toán phân loại, xử lý ghi vào sổ chi tiết, sổ nhật ký chung, chuyển qua kế toán trưởng, cuối tháng lập sổ cái, bảng cân đối kế toán. Quan hệ giữa các nhân viên trong bộ máy kế toán là quan hệ theo kiểu trực tuyến, tức là kế toán trưởng trực tiếp điều hành các nhân viên kế toán phần hành không thông qua trung gian nhận lệnh. Các nhân viên trong bộ máy kế toán có mối liên hệ chặt chẽ qua lại xuất phát từ sự phân công lao động phần hành trong bộ máy kế toán.

Sơ đồ 2.2. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty cổ phần DVTM Hùng An



Chức năng nhiệm vụ từng bộ phận:

Kế toán trưởng:

Phụ trách chung, chịu trách nhiệm trước giám đốc về mọi hoạt động của phòng cũng như các hoạt động khác của công ty có liên quan tới tài chính và theo các hoạt động tài chính của công ty. Thực hiện chính sách, chế độ công tác tài chính kế toán.

Kế toán tổng hợp:

Theo dõi số liệu tổng hợp toàn công ty, tham gia quyết toán, tổng hợp số liệu và lập bảng báo cáo tài chính và các báo cáo giải trình khác theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước.

Kế toán tiền lương:

Hạch toán tiền lương, tiền thưởng, các khoản khấu trừ vào lương. Theo dõi phần trích nộp và chi trả BHXH, KPCĐ, BHYT, BHTN, làm quyết toán và thanh toán các các khoản chi theo quy định.

Kế toán theo dõi thanh toán và công nợ:

Theo dõi sát sao tình hình công nợ phải thu về tiền bán sản phẩm, hàng hóa và các dịch vụ khác để nhanh chóng thu hồi vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, tình hình thanh toán các khoản nợ phải trả cho người cung cấp vật tư, hàng hóa cho công ty. Mở sổ theo dõi chi tiết các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo từng đối tượng để có số liệu cung cấp kịp thời khi cần thiết và tập hợp số

liệu kê khai thuế GTGT đầu vào theo mẫu biểu quy định

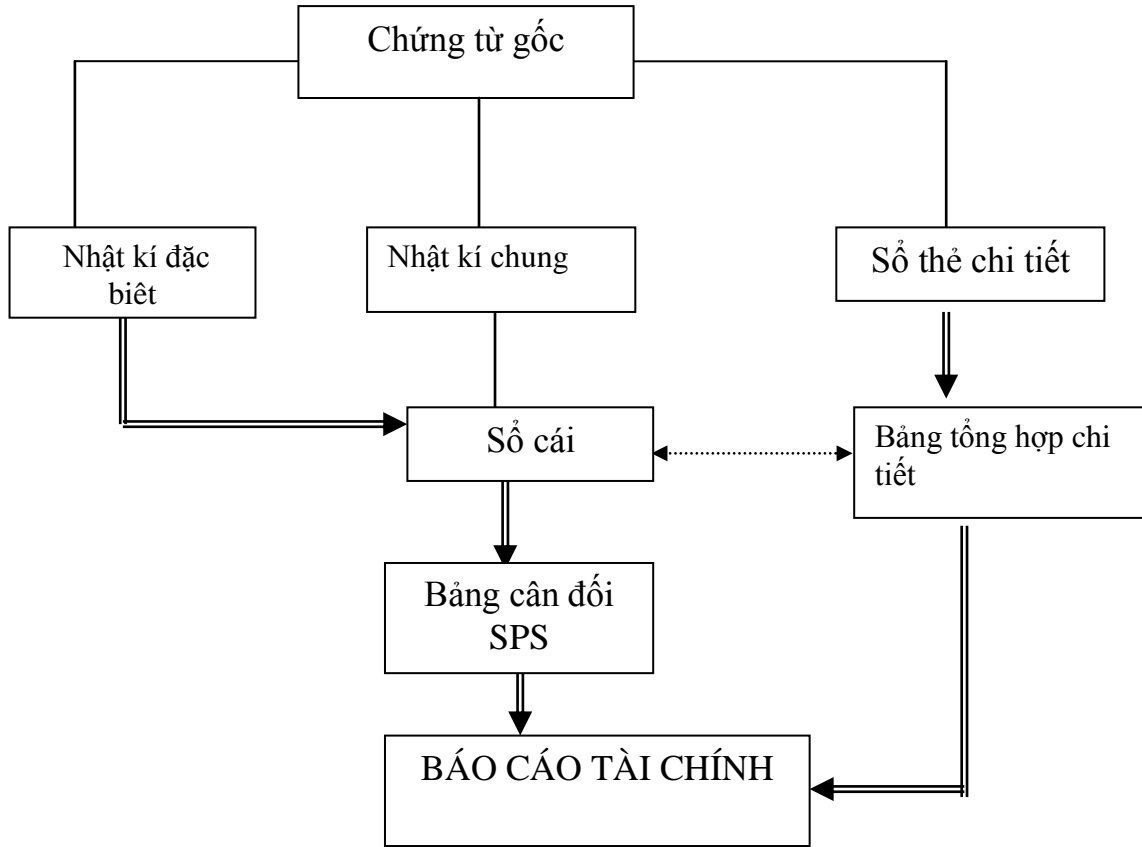
Thủ quỹ:

Thủ quỹ có trách nhiệm bảo quản, giữ gìn tiền mặt, không để hư hỏng và mất mát xảy ra. Chịu trách nhiệm thu, chi tiền khi đã kiểm tra và thấy rõ chứng từ có đủ điều kiện để thu, chi. Vào sổ quỹ hằng ngày và lập bảng kiểm kê quỹ vào cuối tháng theo quy định.

2.1.4.2 Hình thức ghi sổ kế toán tại công ty CPDVTM Hùng An

Để hệ thống hoá và tính toán các chỉ tiêu kinh tế theo yêu cầu quản lý, đồng thời có đội ngũ kế toán tương đối đồng đều về mặt chuyên môn. Vì vậy công ty đã chọn hình thức kế toán “Nhật ký chung”, với hình thức này thì mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phản ánh vào chứng từ gốc. Hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc kế toán phân loại và ghi vào sổ thẻ kế toán chi tiết và sổ nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Từ sổ cái, kế toán tập hợp số liệu vào bảng cân đối số phát sinh và báo cáo tài chính.

Sơ đồ 2.3. Quy trình luân chuyển chứng từ theo hình thức nhật ký chung tại công ty cổ phần DVTM Hùng An



Ghi chú:

Kiểm tra đối chiếu: <----->

Ghi hàng ngày : ----->

Ghi cuối tháng : =====>

2.1.4.3 Các chính sách kế toán tại công ty CP DVTM Hùng An

- Công ty áp dụng chế độ kế toán và vận dụng hệ thống tài khoản theo QĐ số 48/2006 ban hành ngày 14/09/2006 của Bộ Tài Chính.
- Niên độ kế toán: bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán: đồng Việt Nam.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Phương pháp tính thuế: công ty kê khai và nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp tính khấu hao: công ty áp dụng phương pháp khấu hao đều.
- Phương pháp tính giá xuất kho: phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn.

2.2 Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty CPDVTM Hùng An

2.2.1. Kế toán tiền mặt tại quỹ tại công ty CPDVTM Hùng An

Tiền mặt là số vốn bằng tiền được thủ quỹ bảo quản trong két sắt an toàn của công ty, thủ quỹ chỉ được xuất tiền ra khỏi quỹ khi có đầy đủ các chứng từ hợp lệ. Công ty không phát sinh hoạt động về ngoại tệ hay vàng bạc, kim loại quý, đá quý.

Nguyên tắc quản lý tiền mặt tại công ty được chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về chế độ quản lý, lưu thông tiền tệ hiện hành của Nhà nước. Kế toán tiền mặt phản ánh các nghiệp vụ thu tiền mặt vào quỹ như thu tiền bán hàng, lĩnh tiền gửi ngân hàng về quỹ, thu tạm ứng và các khoản thu khác. Phản ánh các khoản chi tiền mặt phát sinh trong kỳ kế toán như chi lương cán bộ công nhân viên, lương thưởng, chi tạm ứng, chi nộp ngân hàng, chi thanh toán các hội nghị, tiếp khách, trang thiết bị, công cụ dụng cụ đồ dùng...

Mọi nghiệp vụ liên quan đến thu, chi tiền mặt, giữ gìn, bảo quản do thủ quỹ chịu trách nhiệm thực hiện. Thủ quỹ là người được giám đốc công ty bổ nhiệm và chịu trách nhiệm giữ quỹ. Thủ quỹ là người chịu trách nhiệm bảo quản, quản lý và thực hiện mọi nghiệp vụ có liên quan đến thu chi tiền mặt.

Tất cả khoản thu chi tiền mặt đều có chứng từ hợp lệ (phiếu thu, phiếu chi) và phải có đầy đủ chữ ký của người thu hoặc chi tiền và đóng dấu “đã thu tiền” lên chứng từ.

Phiếu thu, phiếu chi được lập làm 2 đến 3 liên. Cuối mỗi ngày, căn cứ vào các chứng từ để ghi vào sổ quỹ và lập báo cáo quỹ.

- Phiếu chi được kèm với HĐGTGT (Liên 2: Giao cho khách hàng)

- Phiếu thu được kèm với HĐGTGT (Liên 3: Nội bộ)

Thủ quỹ không được nhờ người khác làm thay, trong trường hợp cần thiết phải làm thủ tục ủy quyền cho người khác làm thay và được sự đồng ý bằng văn bản của giám đốc công ty.

Thủ quỹ phải thường xuyên kiểm kê số tiền tồn quỹ thực tế, tiến hành đối chiếu với số liệu của sổ quỹ hoặc sổ kế toán. Nếu chênh lệch thủ quỹ và kế toán phải tự kiểm tra, xác định lại và kiến nghị biện pháp giải quyết.

Kế toán sau khi nhận được báo cáo quỹ (có kèm theo chứng từ gốc) sẽ tiến hành đối chiếu số liệu trên từng chứng từ với số liệu trên sổ quỹ. Sau khi đối chiếu xong kế toán sẽ định khoản để ghi NKC và lên sổ cái TK tiền mặt đồng thời kế toán cũng ghi nhập vào sổ thu, sổ chi tiền mặt.

2.2.1.1. Tài khoản, chứng từ, sổ sách sử dụng

* **Tài khoản sử dụng:** Hạch toán tiền mặt tại quỹ của công ty sử dụng tài khoản 111- Tiền mặt.

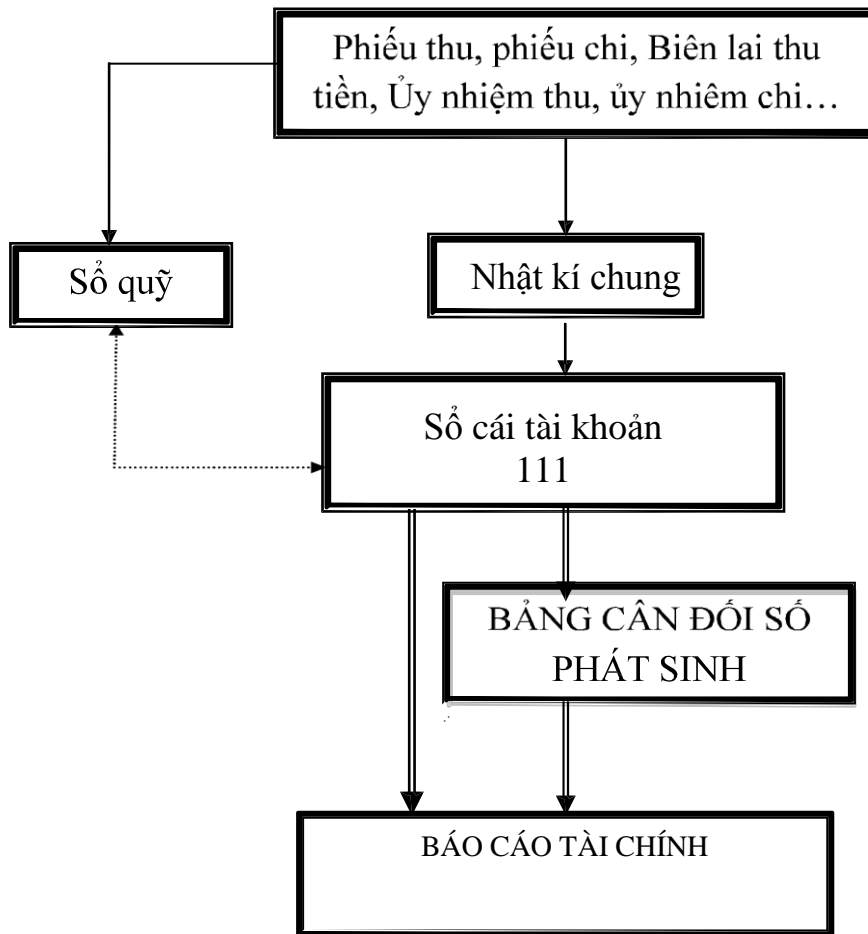
*** Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu thu (Mẫu số 01 - TT)
- Phiếu chi (Mẫu số 02 - TT)
- Hoá đơn GTGT (Mẫu số 01GTKT3/001)
- Giấy nộp tiền
- Giấy đề nghị tạm ứng (Mẫu số 03 - TT)
- Giấy thanh toán tiền tạm ứng (Mẫu số 04 - TT)
- Biên lai thu tiền (Mẫu số 06 - TT)

*** Sổ sách sử dụng:**

- Sổ quỹ tiền mặt (Mẫu số S07 - DNN)
- Sổ nhật ký chung (Mẫu số S03a - DNN)
- Sổ cái TK 111 (Mẫu số S03b - DNN)

2.2.1.2 Trình tự ghi sổ kế toán tiền mặt tại công ty CPDVTM Hùng An



Ghi chú:

Nhập số liệu hàng ngày →

Ghi cuối tháng ==>

Đối chiếu, kiểm tra <-.->

2.2.1.3 Một số nghiệp vụ liên quan đến tiền mặt tại công ty

a. Kế toán thu tiền mặt VND tại công ty:

Các nguồn thu chủ yếu của công ty bao gồm:

- Thu từ việc bán sản phẩm, hàng hoá
- Thu tạm ứng - Thu lãi từ tiền gửi ngân hàng
- Các khoản thu nhập khác

Khi phát sinh các nghiệp vụ thu tiền, căn cứ vào các hoá đơn bán hàng, các chứng từ gốc có liên quan về thu tiền mặt, kế toán tiền mặt lập phiếu thu. Phiếu thu do kế toán lập thành 3 liên, ghi đầy đủ các nội dung trên phiếu và ký vào phiếu thu, sau đó chuyển cho kế toán trưởng và giám đốc ký duyệt, chuyển cho thủ quỹ để làm thủ tục nhập quỹ. Sau khi đã nhận đủ số tiền, thủ quỹ ghi số tiền thực tế nhập quỹ vào phiếu thu trước khi ký và ghi rõ họ tên. Thủ quỹ giữ lại 1 liên để ghi sổ quỹ, 1 liên giao cho người nộp tiền, 1 liên lưu nơi lập phiếu. Cuối ngày toàn bộ phiếu thu kèm theo chứng từ gốc chuyển cho kế toán để ghi sổ kế toán.

Trong tháng 12 năm 2013 công ty cổ phần DVTM Hùng An có nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến các khoản thu. Sau đây là một số nghiệp vụ:

Ví dụ 1: Ngày 05/12/2013 Bán hàng thu bằng tiền mặt, giá bán chưa thuế là 6.750.000 VND, VAT 10%.

Biểu Số 2.1:

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 3: Lưu nội bộ

Ngày 05/12/2013

Mẫu số: 01GTKT3/001

Ký hiệu: AA/13P

Số: 0000831

Đơn vị bán hàng : **CÔNG TY CPDVTM HÙNG AN**

Địa chỉ: Km6 + 200 Đường Hùng Vương- Hồng Bàng- Hải Phòng

Điện thoại: 0313.975.270

MST: 0200510079

Họ tên người mua hàng : Cao Sơn Đức

Địa chỉ: Số 12 Lạch Tray – Hải Phòng

Hình thức thanh toán: tiền mặt

MST: 0200450057

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Chuột Mitsumi	Cái	150	45.000	6.750.000
Cộng tiền hàng					6.750.000
Thuế suất GTGT : 10% Tiền thuế GTGT					675.000
Tổng cộng tiền thanh toán					7.425.000
Số tiền viết bằng chữ: Bảy triệu bốn trăm hai mươi năm nghìn đồng chẵn.					

Người mua hàng

(ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng

(ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.2:

CÔNG TY CPDVTM HÙNG AN

Km6+200, Hùng Vương, Hải Phòng

Mẫu số 01-TT

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Số : 926

Ngày 05 tháng 12 năm 2013

Nợ TK 1111: 7.425.000

Có TK 511: 6.750.000

Có TK 3331 : 675.000

Họ tên người nộp tiền : Cao Sơn Đức

Địa chỉ : Km6+200 Đường Hùng Vương- HồngBàng- Hải
Phòng

Lý do thu : Thanh toán tiền hàng

Số tiền : 7.425.000 đồng

Số tiền viết bằng chữ : Bảy triệu bốn trăm hai mươi năm nghìn đồng chẵn.

Chứng từ kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 5 tháng 12 năm 2013

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu	Người nộp tiền	Thủ quỹ
<i>(ký, đóng dấu)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>

Đã nhận đủ số tiền(viết bằng chữ):.....

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:

Ví Dụ 2 :

Ngày 10/12/2013 thu tiền tạm ứng chi không hết từ chị Phạm Thị Thu Nguyệt nhập quỹ. Trước khi thanh toán số tiền tạm ứng chi không hết chị Phạm Thị Thu Nguyệt viết giấy thanh toán tiền tạm ứng. Trình bày số tiền đã nhận và chi (kèm theo các chứng từ có liên quan) để chứng minh số tiền đã chi và xác định số tiền hoàn ứng còn lại.

Biểu số 2.3: Giấy thanh toán tiền tạm ứng số 3

GIẤY THANH TOÁN TIỀN TẠM ỨNG

Mẫu số 03-TT

Ngày 10 tháng 12 năm 2013

- Họ và tên người thanh toán: Phạm Thị Thu Nguyệt
- Bộ phận: Phòng kinh doanh
- Số tiền tạm ứng được thanh toán theo bảng dưới đây:

I. Số tiền tạm ứng	17.000.000
1. Số tạm ứng kỳ trước chi không hết	
2. Số tạm ứng kỳ này	17.000.000
Phiếu chi số :89 ngày 09 tháng 12 năm 2013	17.000.000
II. Số tiền đã chi:	13.200.000
1.Chứng từ HĐGTGT số 0000879 ngày 09/12/2013	13.200.000
III. Chênh lệch	3.800.000
1. Số tạm ứng chi không hết (I - II)	3.800.000
2. Chi quá số tạm ứng (II - I)	

Biểu số 2.4.

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số: 01GTKT3/001

Liên 2: Giao khách hàng

Ký hiệu: AA/13P

Ngày 10/12/2013

Số: 0000879

Đơn vị bán hàng : Công ty cổ phần Samnec

Địa chỉ: số 4 Hồ Sen Hải Phòng

Điện thoại: 0313643634

MST: 02001340943

Họ tên người mua hàng : Phạm Thị Thu Nguyệt

Đơn vị: công ty cổ phần DVTM Hùng An

Địa chỉ: Km6 + 200 Đường Hùng Vương- Hồng Bàng- Hải Phòng

Hình thức thanh toán: tiền mặt

MST: 0200510079

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Máy tính	Chiếc	2	6.000.000	12.000.000
Cộng tiền hàng					12.000.000
Thuế suất GTGT : 10% Tiền thuế GTGT					1.200.000
Tổng cộng tiền thanh toán					13.200.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười ba triệu hai trăm nghìn đồng.					

Người mua hàng

(ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng

(ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.5.

CÔNG TY CPDV TM HÙNG AN

Km6+200, Hùng Vương, Hải Phòng

Mẫu số 01-TT

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Số : 929

Ngày 10 tháng 12 năm 2013

Nợ TK 111

Có TK 141

Họ tên người nộp tiền : Phạm Thị Thu Nguyệt

Địa chỉ : Km6+200 Đường Hùng Vương- Hồng Bàng- Hải Phòng

Lý do thu : Nộp tiền tạm ứng chi không hết.

Số tiền : 3.800.000

Số tiền viết bằng chữ : Ba triệu tám trăm nghìn đồng

Chứng từ kèm theo 01 chứng từ gốc

Ngày 10 tháng 12 năm 2013

Giám đốc Kế toán trưởng Người lập biểu Người nộp tiền Thủ quỹ

(ký, đóng dấu)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền(viết bằng chữ):.....

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:

Ví dụ 3: Ngày 15/12/2013 anh Đinh Thế Hưng của phòng kế toán rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt, số tiền 100.000.000 đồng.

Biểu số 2.6

CÔNG TY CPDVTM HÙNG AN

Km6+200, Hùng Vương, Hải Phòng

Mẫu số 01-TT

*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)*

PHIẾU THU

Số : 935

Ngày 15 tháng 12 năm 2013

Nợ TK 111

Có TK 112

Họ tên người nộp tiền : Đinh Thế Hưng

Địa chỉ : Km6+200 Đường Hùng Vương- Hồng Bàng- Hải Phòng

Lý do thu : Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt

Số tiền : 100.000.000

Số tiền viết bằng chữ : Một trăm triệu đồng chẵn.

Chứng từ kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 15 tháng 12 năm 2013

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu	Người nộp tiền	Thủ quỹ
<i>(ký, đóng dấu)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>

Đã nhận đủ số tiền(viết bằng chữ):.....

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:

b. Kế toán chi tiền mặt VNĐ tại công ty:

Các nguồn chi chủ yếu của công ty bao gồm:

- Chi tạm ứng
- Chi mua vật tư, tài sản, hàng hoá, công cụ dụng cụ, nhiên liệu
- Chi thanh toán lương, thưởng cho cán bộ công nhân viên
- Chi trả nợ cho người bán và ngân hàng
- Chi các khoản nộp Ngân sách nhà nước
- Các khoản phải chi khác

Khi phát sinh nghiệp vụ chi tiền, căn cứ vào các hoá đơn mua hàng, các chứng từ gốc có liên quan về chi tiền mặt, kế toán tiền mặt lập phiếu chi. Phiếu chi do kế toán lập thành 3 liên (liên 1 lưu ở nơi lập phiếu, liên 2 thủ quỹ dùng để ghi sổ quỹ và chuyển cho kế toán cùng với chứng từ gốc để vào sổ kế toán, liên 3 giao cho người nhận tiền). Sau khi kế toán trưởng, giám đốc ký duyệt phiếu chi, thủ quỹ mới được xuất quỹ. Sau khi nhận đủ số tiền người nhận tiền phải ghi số tiền đã nhận bằng chữ, ký tên và ghi rõ họ, tên vào phiếu chi. Căn cứ vào số tiền thực chi, thủ quỹ ghi vào sổ quỹ tiền mặt, đến cuối ngày thì chuyển cho kế toán tiền mặt để ghi sổ. Sau đây là một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến các khoản chi trong tháng 12 năm 2013 tại công ty cổ phần DVTM Hùng An:

Ví dụ 1:

Ngày 07/12/2013 Anh Ngô Thanh Hải xin tạm ứng tiền công tác phí số tiền 6.000.000 đồng. Khi đó anh Hải sẽ viết giấy đề nghị tạm ứng giải trình lên giám đốc để giám đốc ký duyệt. Sau khi được giám đốc ký duyệt xong, anh Hải sẽ cầm giấy đề nghị tạm ứng này giao cho kế toán, kế toán căn cứ vào đó viết phiếu chi, anh Hải mang phiếu chi và giấy đề nghị tạm ứng đi ký duyệt của giám đốc, kế toán trưởng. Khi có sự ký duyệt của giám đốc và kế toán trưởng trên phiếu chi, thủ quỹ sẽ xuất quỹ chi cho anh Hải.

Biểu số 2.7.

CÔNG TY CPDVTM HÙNG AN

Km6+200, Hùng Vương, Hải Phòng

Mẫu số 03-TT

*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ TẠM ỨNG

Kính gửi : Phòng tài chính kế toán

Tên tôi là : Ngô Thanh Hải

Địa chỉ : Phòng kinh doanh

Đề nghị tạm ứng số tiền: 6.000.000 (bằng chữ): Sáu triệu đồng chẵn.

Lý do tạm ứng: đi công tác.

Ngày 07 tháng 12 năm 2013

Biểu số 2.8:

CÔNG TY CPDVTM HÙNG AN

Km6+200, Hùng Vương, Hải Phòng

Mẫu số 02-TT

*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)*

PHIẾU CHI

Số : 722

Ngày 07 tháng 12 năm 2013

Nợ TK 141

Có TK 111

Họ tên người nhận tiền : Ngô Thanh Hải
Địa chỉ : Phòng Kinh Doanh
Lý do chi : tạm ứng tiền công tác
Số tiền : 6.000.000 đồng
Số tiền viết bằng chữ : Sáu triệu đồng chẵn.
Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 07 tháng 12 năm 2013

Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập biểu	Người nhận
<i>(ký, đóng dấu)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>

Đã nhận đủ số tiền(viết bằng chữ):.....

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:

Ví dụ 2:

Ngày 17/12/2013 công ty chi cho chị Trần Ngọc Châm để thanh toán tiền mua tủ trưng bày hàng, số tiền 7.700.000 đồng. Căn cứ vào hoá đơn GTGT số 0000888 , chị Trần Ngọc Châm gửi giấy đề nghị thanh toán lên phòng kế toán. Kế toán sau khi xem xét các chứng từ liên quan, trình lên giám đốc và kế toán trưởng duyệt chi, sau đó kế toán lập phiếu chi.

Biểu 2.9.

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số: 01GTKT3/001

Liên 2: Giao khách hàng

Ký hiệu: AA/13P

Ngày 17/12/2013

Số: 0000888

Đơn vị bán hàng : Công Ty TNHH MTV TM & DV Hòa Thi

Địa chỉ: Số 113 Quán Nam, Hải Phòng

Họ tên người mua hàng : Trần Ngọc Châm

Đơn vị: Công ty cổ phần DVTM Hùng An

Địa chỉ: Km6 + 200 Đường Hùng Vương- Hồng Bàng- Hải Phòng

Hình thức thanh toán: Tiền mặt

MST: 0200510079

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Tủ trưng bày hàng	Bộ	2	3.500.000	7.000.000
Cộng tiền hàng					7.000.000
Thuế suất GTGT : 10% Tiền thuế GTGT					700.000
Tổng cộng tiền thanh toán					7.700.000
Số tiền viết bằng chữ: Bảy triệu bảy trăm nghìn đồng.					

Người mua hàng

(ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng

(ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.10

CÔNG TY CPDVTM HÙNG AN

Km6+200, Hùng Vương, Hải Phòng

Mẫu số 05-TT

*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)*

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Ngày 17 tháng 12 năm 2013

Kính gửi: Giám đốc công ty cổ phần DVTM Hùng An

Họ và tên người đề nghị thanh toán: Trần Ngọc Châm

Bộ phận (hoặc địa chỉ): Phòng vật tư

Nội dung thanh toán: Mua tủ trưng bày hàng

Số tiền: 7.700.000.

Viết bằng chữ: Bảy triệu bảy trăm nghìn đồng

(Kèm theo:01.... chứng từ gốc)

Người đề nghị thanh toán

(ký, ghi rõ họ tên)

kế toán trưởng

(ký, ghi rõ họ tên)

giám đốc

(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.11

CÔNG TY CPDVTM HÙNG AN

Km6+200, Hùng Vương, Hải Phòng

Mẫu số 02-TT

*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)*

PHIẾU CHI

Số : 745

Ngày 17 tháng 12 năm 2013

Nợ TK 142,133

Có TK 111

Họ tên người nhận tiền : Trần Ngọc Châm

Địa chỉ : Phòng vật tư

Lý do chi : Thanh toán tiền mua tủ trưng bày hàng

Số tiền : 7.700.000

Số tiền viết bằng chữ : Bảy triệu bảy trăm nghìn đồng.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 17 tháng 12 năm 2013

Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập biểu	Người nhận
<i>(ký, đóng dấu)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Sáu triệu sáu trăm nghìn đồng.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

Ví dụ 3: Ngày 20/12/2013 anh Bùi Mạnh Cường xin tạm ứng 10.000.000 đi công tác miền núi 1 tuần. Căn cứ vào giấy đề nghị tạm ứng đã được duyệt, kế toán viết phiếu chi

Biểu số 2.12

CÔNG TY CPDV TM HÙNG AN

Km6+200, Hùng Vương, Hải Phòng

Mẫu số 03-TT

*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ TẠM ỨNG

Kính gửi : Công ty cổ phần DVTM Hùng An

Tên tôi là : Bùi Mạnh Cường

Địa chỉ : Phòng kinh doanh

Đề nghị tạm ứng số tiền: 10.000.000 (bằng chữ): Mười triệu đồng chẵn.

Lý do tạm ứng: đi công tác.

Ngày 20 tháng 12 năm 2013

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Phụ trách bộ phận

(Ký, họ tên)

Người đề nghị

thanh toán

(Ký, họ tên)

Biểu 2.13

CÔNG TY CPDVTM HÙNG AN

Km6+200, Hùng Vương, Hải Phòng

Mẫu số 02-TT

*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)*

PHIẾU CHI

Số : 811

Ngày 20 tháng 12 năm 2013

Nợ TK 141

Có TK 111

Họ tên người nhận tiền : Bùi Mạnh Cường

Địa chỉ : Phòng Kinh Doanh Công ty CP DVTM Hùng An

Lý do chi : Tạm ứng đi công tác

Số tiền : 10.000.000

Số tiền viết bằng chữ : Mười triệu đồng chẵn.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 20 tháng 12 năm 2013

Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập biểu	Người nhận
<i>(ký, đóng dấu)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Mười triệu đồng chẵn

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):

Biểu số 2.14:**CÔNG TY CPDV TM HÙNG AN**

Km6+200, Hùng Vương, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DNN(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Trích tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính : VND

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	I
			Số phát sinh			
...
5/12	HĐ00831 PT926	5/12	Bán hàng thu=TM	111 511 3331	7.425.000	6.750.000 675.000
7/12	PC722	7/12	Ngô Thanh Hải tạm ứng tiền đi công tác	141 111	6.000.000	6.000.000
...
17/12	HĐ00888 PC745	17/12	Thanh toán tiền mua Tủ trưng bày hàng	142 133 111	7.000.000 700.000	7.700.000
20/12	PC811	20/12	Bùi Mạnh Cường tạm ứng tiền đi công tác	141 111	10.000.000	10.000.000
...
27/12	PT933	27/12	Tạm ứng không hết nhập quỹ	111 141	3.800.000	3.800.000
28/12	PT935	28/12	Rút tiền gửi NH về nhập quỹ	111 112	100.000.000	100.000.000
...
			Cộng phát sinh		39.281.926.680	39.281.926.680

Biểu số 2.15:**CÔNG TY CPDV TM HÙNG AN**

Km6+200, Hùng Vương, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)***SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Tiền mặt

Số hiệu: 111

Đơn vị tính : VND

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	I
			Dư đầu tháng		517.819.193	
...
5/12	PT926	5/12	Bán hàng thu TM	511 3331	6.750.000 675.000	
7/12	PC722	7/12	Ngô Thanh Hải tạm ứng tiền đi công tác	141		6.000.000
...
17/12	PC745	17/12	Thanh toán tiền mua tủ trưng bày hàng	142		7.700.000
20/12	PC811	20/12	Bùi Mạnh Cường tạm ứng tiền đi công tác	141		10.000.000
...
27/12	PT933	27/12	Tạm ứng không hết nhập quỹ	141	3.800.000	
28/12	PT935		Rút tiền gửi NH về nhập quỹ	112	100.000.000	
...
			Cộng phát sinh cả năm		6.728.260.991	6.840.726.501
			Số dư cuối kỳ		405.353.683	

Biểu số 2.16**Công ty cổ phần dịch vụ Thương mại Hùng An**

Km6+200, đường Hùng Vương, Hải Phòng

Mẫu số S07-DNN*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)***SỔ QUỸ TIỀN MẶT**

Loại quỹ: Tiền Việt Nam

Trích tháng 12 năm 2013

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi số	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Số tiền		
	Số hiệu	Ngày tháng		Thu	Chi	Còn lại
			Số dư đầu kỳ			517.819.193
			Phát sinh trong kỳ			
...
5/12	PT926	5/12	Thu tiền hàng	7.425.000		981.167.140
7/12	PC722	7/12	Chi tạm ứng		6.000.000	979.167.140
...
17/12	PC745	17/12	Thanh toán tiền mua tủ trưng bày hàng		7.700.000	787.990.150
...
27/12	PT933	27/12	Tạm ứng không hết nhập quỹ	3.800.000		570.423.566
28/12	PT934	28/12	Rút tiền gửi NH về nhập quỹ	100.000.000		670.423.566
...
			Cộng số phát sinh trong kỳ	6.728.260.991	6.840.726.501	
			Số dư cuối kỳ			405.353.683

Người lập

2.2.2 Kế toán tiền gửi ngân hàng tại công Ty cổ phần DVTM Hùng An

Cùng với hoạt động tiền mặt, hoạt động tiền gửi ngân hàng cũng đóng vai trò quan trọng và diễn ra thường xuyên tại công ty, đa dạng hoá về hình thức thanh toán, thuận lợi trong việc luân chuyển tiền tệ.

Công ty để lại ở quỹ tiền mặt nhu cầu chi tiêu cần thiết thường xuyên hàng ngày, còn lại gửi tại ngân hàng để tiện cho việc thanh toán không dùng tiền mặt. Khi cần chi tiêu doanh nghiệp phải làm thủ tục rút tiền hoặc chuyển tiền.

Hiện nay công ty cổ phần DVTM Hùng An đang thực hiện giao dịch với 2 Ngân hàng:

- Ngân hàng Công Thương Việt Nam chi nhánh Hải Phòng.
- Ngân hàng Techcom Bank

Căn cứ để ghi chép các nghiệp vụ liên quan đến tiền gửi của công ty là giấy báo Có, giấy báo Nợ, các bảng sao kê của ngân hàng kèm theo các chứng từ gốc khác như uỷ nhiệm chi. Khi nhận được các chứng từ do ngân hàng gửi đến, kế toán tiến hành kiểm tra đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo. Nếu có số chênh lệch thì phải báo cáo với ngân hàng để hai bên có biện pháp xử lý. Sau đó kế toán vào các sổ sách liên quan tương tự đối với nghiệp vụ tiền mặt. Kế toán tạm thời ghi sổ theo số của Ngân Hàng.

2.2.2.1. Tài khoản, chứng từ, sổ sách sử dụng

Để hạch toán tiền gửi Ngân hàng, kế toán sử dụng TK 112 “Tiền gửi Ngân hàng”. Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình hiện có, tình hình biến động tất cả các loại tiền của đơn vị gửi tại Ngân hàng. Công ty không phát sinh hoạt động về tiền gửi ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý.

*** Chứng từ sử dụng:**

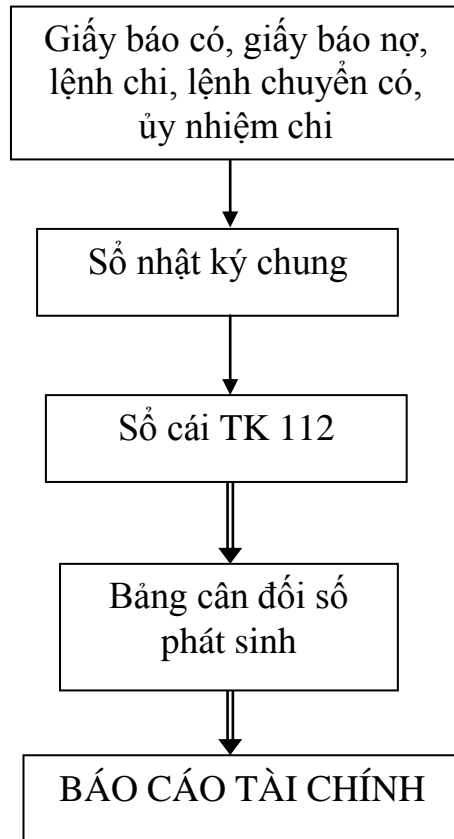
- Giấy nộp tiền
- Giấy báo nợ
- Giấy báo có
- Uỷ nhiệm chi
- Lệnh chuyển tiền
- Phiếu tính tiền lãi vay

*** Sổ sách sử dụng:**

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 112

2.2.2.2.Trình tự ghi sổ kế toán tiền gửi ngân hàng tại công ty cổ phần DVTM Hùng An

Sơ đồ 2.6.Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng ==>

❖ **Phương pháp hạch toán**

Căn cứ vào Phiếu nhập kho, vật tư, tài sản, Biên bản nghiệm thu, Biên bản thanh lý hợp đồng đã có đầy đủ chữ ký của cấp trên, thủ quỹ sẽ lập Lệnh chi gồm 4 liên chuyển lên cho Tổng Giám đốc duyệt. Sau đó kế toán sẽ gửi Lệnh chi này cho Ngân hàng để Ngân hàng thanh toán tiền cho người bán, sau đó Ngân hàng sẽ gửi Giấy báo nợ về cho công ty. Căn cứ vào Giấy báo nợ, kế toán sẽ hạch toán vào sổ chi tiết TK 112

2.2.2.3. Một số nghiệp vụ liên quan đến tiền gửi ngân hàng tại công ty cổ phần DVTM Hùng An

Ví dụ1 : Ngày 14/12/2013 Công ty CPDVTM Bình Minh thanh toán tiền hàng theo hóa đơn số 0000836 bằng chuyển khoản số tiền 220.000.000 đồng

Biểu số 2.17

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số: 01GTKT3/001

Liên 3: Lưu nội bộ

Ký hiệu: AA/13P

Ngày 14/12/2013

Số: 0000836

Đơn vị bán hàng : Công Ty CP DVTM Hùng An

Địa chỉ: Km6 + 200 Đường Hùng Vương- Hồng Bàng- Hải Phòng

Họ tên người mua hàng :

Đơn vị: Công ty cổ phần DVTM Bình Minh

Địa chỉ: Số 345 Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng

Hình thức thanh toán: CK

MST: 0200510079

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Bộ vệ sinh máy tính	Bộ	10.000	20.000	200.000.000
Cộng tiền hàng					200.000.000
Thuế suất GTGT : 10% Tiền thuế GTGT					20.000.000
Tổng cộng tiền thanh toán					220.000.000
Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm hai mươi triệu đồng chẵn					

Người mua hàng

(ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng

(ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.18 ỦY NHIỆM THU:

ỦY NHIỆM THU SỐ:097 Chuyển khoản,chuyển tiền điện tử Lập ngày 14/12/2013		Phần do ngân hàng ghi
Tên đơn vị nhận tiền:Công ty CPDVTM Hùng An Tên tài khoản: Tại ngân hàng:Công Thương HP		Tài khoản nợ
Tên đơn vị trả tiền: Công ty cổ phần DVTM Bình Minh Tên tài khoản:932010000061 Tại ngân hàng: Công Thương HP		Tài khoản có
Số tiền bằng chữ: Hai trăm hai mươi triệu đồng chẵn Nội dung thanh toán:thanh toán tiền mua bộ vệ sinh máy tính		Số tiền bằng số: 220.000.000
Đơn vị trả tiền KT Chủ TK	Ngân hàng... Ghi sổ ngày.. Kt KTT	Ngân hàng... Ghi sổ ngày.. Kt KTT

Biểu số 2.19: Giấy Báo Có

Ngân hàng CP Công thương Hải Phòng

GIẤY BÁO CÓ

Số 00806

Ngày 14 tháng 12 năm 2013

Kính gửi: Công ty Cổ Phần DVTM Hùng An

Hôm nay chúng tôi thông báo đã ghi Có vào tài khoản có của quý khách với nội dung sau:

Số tài khoản ghi có:

Số tiền bằng số : 220.000.000

Số tiền bằng chữ: Hai trăm hai mươi triệu đồng chẵn

Nội dung: Công ty CP DVTM Bình Minh thanh toán tiền hàng theo HĐGTGT 00836

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

Ví dụ 2 :

Ngày 18 tháng 12 năm 2013 xuất quỹ tiền mặt gửi vào Ngân hàng Công thương Việt Nam Kế toán nhận được lệnh xuất quỹ gửi vào Ngân hàng tiến hành viết phiếu chi.

Biểu số 2.20

CÔNG TY CPDV TM HÙNG AN

Km6+200, Hùng Vương, Hải Phòng

Mẫu số 02-TT

*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)*

PHIẾU CHI

Số : 00756

Ngày 18 tháng 12 năm 2013

Nợ TK 112

Có TK 111

Họ tên người nhận tiền : Ngô Ngọc Trang

Địa chỉ : Phòng Kế Toán

Lý do : Nộp tiền mặt vào Ngân Hàng

Số tiền : 500.000.000

Số tiền viết bằng chữ : Năm trăm triệu đồng chẵn.

Chứng từ kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 18 tháng 12 năm 2013

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu	Người nộp tiền	Thủ quỹ
<i>(ký, đóng dấu)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>

Ví dụ 3.

Ngày 21 tháng 12 năm 2013, chi trả tiền cước vận chuyển hàng bằng tiền gửi Ngân hàng Khi phát sinh nghiệp vụ thanh toán qua Ngân hàng, căn cứ vào hóa đơn GTGT số 00895, kế toán công ty gửi ủy nhiệm chi đến Ngân hàng Công thương Hải Phòng Ngân hàng nhận được ủy nhiệm chi tiến hành thanh toán.

Biểu 2.21

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số: 01GTKT3/001

Liên 2: Giao khách hàng

Ký hiệu: AA/13P

Ngày 21/12/2013

Số: 0000895

Đơn vị bán hàng : Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ An Mai

Địa chỉ: 105,Lạch Tray,Hải Phòng

Họ tên người mua hàng :

Đơn vị:công ty cổ phần DVTM Hùng An

Địa chỉ:Km6 + 200 Đường Hùng Vương- Hồng Bàng- Hải Phòng

Hình thức thanh toán: CK

MST: 0200510079

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Cước vận chuyển hàng				25.000.000
Cộng tiền hàng					25.000.000
Thuế suất GTGT : 10% Tiền thuế GTGT					2.500.000
Tổng cộng tiền thanh toán					27.500.000
Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng.					

Người mua hàng

(ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng

(ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.22. ỦY NHIỆM CHI

ỦY NHIỆM CHI

Số 00767

CHUYỂN KHOẢN, CHUYỂN TIỀN THỦ, ĐIỆN LẬP ngày: 21/12/2013

Đơn vị trả tiền: Công ty Cổ phần DVTM Hùng An

Số tài khoản:

Tại ngân hàng: Công thương VN Tỉnh, TP: Hải Phòng

Đơn vị nhận tiền: Công ty Cổ phần TM và DV An Mai

Số tài khoản: 00120130003054

Tại ngân hàng: Công thương VN Tỉnh, TP: Hải Phòng

Số tiền bằng chữ: Hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng

Nội dung thanh toán: Trả tiền cước vận chuyển

Đơn vị trả tiền

Ngân hàng A

Ngân hàng B

Ghi sổ ngày:

Ghi sổ ngày: 16/12/2013 16/12/2013

Số tiền

bằng số

27.500.000

Ví dụ 4: Ngày 23/12/2013 công ty mua 2 chiếc laptop apple Macbook pro MD3222ZP/A của công ty TNHH Hải Anh thanh toán bằng chuyển khoản tại ngân hàng TECHCOMBANK

Biểu 2.23

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 2: Giao khách hàng

Ngày 23/12/2013

Mẫu số: 01GTKT3/001

Ký hiệu: AA/13P

Số: 0000912

Đơn vị bán hàng : Công ty TNHH Hải Anh

Địa chỉ: Số 234, Tôn đức thắng, HP

Số tài khoản :

Họ tên người mua hàng :

Đơn vị: công ty cổ phần DVTM Hùng An

Địa chỉ: Km6 + 200 Đường Hùng Vương- Hồng Bàng- Hải Phòng

Hình thức thanh toán: CK

MST: 0200510079

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Laptop apple Macbook pro MD3222ZP/A	Chiếc	2	25.490.000	50.980.000
Cộng tiền hàng					50.980.000
Thuế suất GTGT : 10% Tiền thuế GTGT					5.098.000
Tổng cộng tiền thanh toán					56.078.000
Số tiền viết bằng chữ: Năm mươi sáu triệu không trăm bảy mươi tám nghìn đồng chẵn.					

Người mua hàng

(ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng

(ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.24. ỦY NHIỆM CHI

ỦY NHIỆM CHI		Số 00776
CHUYỂN KHOẢN, CHUYỂN TIỀN THƯ, ĐIỆN LẬP ngày: 23/12/2013		
Đơn vị nhận tiền: Công ty TNHH Hải Anh		
Số tài khoản:		
Tại ngân hàng: Đầu tư và phát triển		
BIDV	Tỉnh, TP: Hải Phòng	

Đơn vị nhận tiền: Công ty Cổ phần DVTM Hùng An		Số tiền bằng số 56.078.000
Số tài khoản:	4	
Tại ngân hàng: TECHCOMBANK Tỉnh, TP: Hải Phòng		

Số tiền bằng chữ: Năm mươi sáu triệu không trăm bảy mươi tám nghìn đồng chẵn.		
Nội dung thanh toán: Trả tiền mua laptop apple Macbook pro		
Đơn vị nhận tiền	Ngân hàng A	Ngân hàng B

Biểu số 2.25

**Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam
TECHCOMBANK**

Mã GDV: APP

Mã KH: 10986

Số GD: 200387

GIẤY BÁO NỢ

Số 00812

Ngày 23 tháng 12 năm 2013

Kính gửi: Công ty cổ phần dịch vụ Thương mại Hùng An

Hôm nay chúng tôi thông báo đã ghi Nợ vào tài khoản của quý khách với nội dung sau:

Số tài khoản ghi nợ:

Số tiền bằng số : 56.078.000

Số tiền bằng chữ: Năm mươi sáu triệu không trăm bảy mươi tám nghìn đồng chẵn..

Nội dung: thanh toán HĐ 0000912

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

Biểu số 2.26:**Công ty CPDVTM Hùng An**Km6 + 200 Đường Hùng Vương-
Hồng Bàng- Hải Phòng**Mẫu số S03a-DNN***(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)***SỔ NHẬT KÝ CHUNG***Trích tháng 12 năm 2013**Đơn vị tính : VND*

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ U	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	I
			Số phát sinh			
...
14/12	HĐ00881 UNT097 GBC00806	14/12	Công ty TNHH Bình Minh thanh toán tiền hàng	112 511 3331	220.000.000	200.000.000 20.000.000
....
21/12	PC756	18/12	trả tiền cước vận chuyển	642 133 112	25.000.000 2.500.000	27.500.000
...
23/12	UNC 00776 HĐ912 GBN00812	23/12	Mua Laptop apple Macbook Thanh toán=ck	211 133 112	50.980.000 5.098.000	56.078.000
24/12	PC 764 HĐ 00921	24/12	T/toán tiền cước viễn thông T11	642 133 111	1.350.000 135.000	1.485.000
24/12	PT916	24/12	Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ	111 112	230.000.000	230.000.000
...
			Cộng phát sinh		39.281.926.680	39.281.926.680

Số ngày có trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

Ngày mở sổ: 01/01/2013

Biểu số 2.22:**Công ty CPDVTM Hùng An****Mẫu số S03b-DNN***(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)***SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Tiền gửi ngân hàng

Số hiệu: 112

(Trích tháng 12 năm 2013)

Đơn vị tính : VND

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	1
			Dư đầu kỳ		<u>539.464.565</u>	
			Số phát sinh trong kỳ			
...
13/12	GBC 00792	7/12	Thu nợ tiền hàng	131	60.000.000	
14/12	UNT097 HĐ00881 GBC00806	14/12	Công ty TNHH Bình Minh thanh toán tiền hàng	511 3331	200.000.000 20.000.000	
15/12	GBC 00816	7/12	Chi nộp tiền vào TK	111	76.000.000	
...
21/12	PC00756	18/12	Trả tiền cước vận chuyển	642 133		25.000.000 2.500.000
...
23/12	GBN00812 HĐ00912 UNC00776	23/12	Mua ipad Thanh toán=ck	211 133		50.980.000 5.098.000
24/12	PT916	24/12	Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ	111		230.000.000
...
			Cộng phát sinh cả năm		13.189.939.918	12.652.557.675
			Số dư cuối kỳ		<u>1.076.846.808</u>	

Số ngày có trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

Ngày mở sổ: 01/1/2013

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DVTM HÙNG AN

3.1.Đánh giá chung về tổ chức công tác kế toán và kế toán vốn bằng tiền tại công ty cổ phần DVTM Hùng An

Cùng với nhịp độ phát triển của đất nước, vận động trong cơ chế thị trường, qua nhiều năm hoạt động và phát triển, đã không ngừng vươn lên tự khẳng định mình là một doanh nghiệp kinh doanh hoạt động có hiệu quả. Để đạt được những thành quả như những năm qua là nhờ công ty có định hướng đúng đắn trong chiến lược phát triển kinh doanh, coi thị trường là mục tiêu vươn tới, không ngừng thỏa mãn khách hàng, từng bước nâng cao trình độ đội ngũ lãnh đạo và quản lý, đồng thời quán triệt trong tổ chức quản lý tài chính. Đặc biệt là trong công tác hạch toán kế toán Công ty vận dụng một cách triệt để và không ngừng hoàn thiện. Việc đánh giá tình hình thực hiện hạch toán kế toán vốn bằng tiền và các nghiệp vụ thanh toán trong công ty là hết sức cần thiết, nó còn là một trong những căn cứ làm đòn bẩy cho đội ngũ kế toán Công ty thể hiện trình độ và năng lực chuyên môn của mình.

Trong nền kinh tế thị trường Công ty tham gia và hoạt động sản xuất kinh doanh với tư cách là một chủ thể kinh tế, được pháp luật đảm bảo, luôn lấy tiêu chí lợi nhuận làm mục tiêu hàng đầu, nên sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp khác là không thể tránh khỏi. Đứng trước những thách thức đó bên cạnh việc nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, Công ty còn luôn phải tìm các biện pháp hạch toán vốn bằng tiền, nhằm đạt hiệu quả cao nhất thúc đẩy hoạt động kinh doanh của Công ty.

Qua thời gian thực tập tốt nghiệp tại công ty cổ phần DVTM Hùng An và nhận được sự giúp đỡ tận tình của Ban giám đốc công ty, phòng kế toán và các phòng ban liên quan đã giúp em hiểu thêm rất nhiều kiến thức thực tế về công tác hạch toán kế toán. Kết hợp với những kiến thức cơ bản mà em đã được học trên ghế nhà trường, em có một số ý kiến nhận xét về công tác hạch toán kế toán và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

3.1.1 Ưu điểm

Công ty cổ phần DVTM Hùng An là một doanh nghiệp hạch toán độc lập

công ty đã tìm cho mình một bộ máy quản lý, một phương thức kinh doanh sao cho có hiệu quả nhất. Công ty có những biện pháp quản lý chặt chẽ ở tất cả các khâu, các bộ phận một cách nhịp nhàng và có hiệu quả. Bên cạnh đó công ty luôn bổ sung thêm các cán bộ công nhân viên có trình độ chuyên môn và năng lực tốt đồng thời có những chế độ khen thưởng cũng như kỷ luật kịp thời nhằm tạo kỷ cương doanh nghiệp cũng như khuyến khích người lao động làm việc.

Về bộ máy kế toán:

Việc tổ chức thực hiện các chức năng, nhiệm vụ và nội dung của công tác hạch toán kế toán trong công ty do bộ máy kế toán đảm nhận. Tổ chức cơ cấu bộ máy kế toán của công ty hợp lý, gọn nhẹ và hoạt động đạt hiệu quả cao, phù hợp với đặc điểm kinh doanh. Công tác hạch toán kế toán của công ty nói chung và công tác hạch toán kế toán vốn bằng tiền nói riêng luôn được quan tâm chặt chẽ và không ngừng từng bước hoàn thiện.

Ngoài ra, cán bộ kế toán ở công ty là những người có năng lực, trình độ nghiệp vụ, nắm vững chuyên môn và vận dụng một cách linh hoạt các phương thức kế toán phù hợp với hoạt động kinh doanh của công ty. Kế toán trưởng là một cán bộ có kinh nghiệm, năng lực trong lĩnh vực kế toán. Kế toán trưởng luôn kịp thời theo dõi chính xác tình hình biến động sản phẩm, tính toán chính xác thu nhập và chi phí phát sinh trong quá trình bán hàng một cách hợp lý cũng như thực hiện nghiêm túc việc thanh toán với ngân hàng, Nhà Nước về các khoản phải nộp và xác định một cách chính xác, kịp thời kết quả kinh doanh của từng tháng, từng quý, từng năm. Các nhân viên trong phòng kế toán đều có trình độ chuyên môn cao và được bố trí hợp lý phù hợp với chuyên môn của mình.

Về hình thức kế toán:

Công ty áp dụng hình thức kế toán “nhật ký chung”. Nhìn chung công ty cổ phần DVTM Hùng An đã chấp hành tốt việc hạch toán kế toán vốn bằng tiền, đã cung cấp kịp thời, đầy đủ, nhanh chóng những thông tin cần thiết về vốn (tiền mặt, tiền gửi ngân hàng) cho nhà quản lý, cho doanh nghiệp, giúp cho công ty có sử dụng đồng vốn có hiệu quả nhất đem lại lợi nhuận cao cho công ty.

Về chứng từ, sổ sách kế toán sử dụng:

Ngay từ khi mới thành lập, công ty đã xây dựng hệ thống các loại chứng từ kế toán qui định cho từng loại nghiệp vụ kinh tế và phản ánh đầy đủ nội dung kinh tế đảm bảo tính pháp lý. Việc luân chuyển các loại chứng từ này được bố trí tuần tự, khoa học, thuận tiện cho việc ghi chép, phản ánh vào các loại sổ kế toán liên quan phục vụ yêu cầu quản lý và hạch toán kế toán vốn bằng tiền.

Cùng với các loại chứng từ, sổ sách được sử dụng theo đúng mẫu biểu do Bộ Tài Chính ban hành, đảm bảo các nội dung kinh tế được thống nhất, công ty còn sử dụng các loại chứng từ kế toán mang tính hướng dẫn riêng trong công ty. Các chứng từ sau khi tổng hợp được bảo quản theo đúng chế độ lưu trữ tài liệu kế toán của Nhà nước.

3.1.2.Hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm trên, công tác kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng của công ty có những mặt hạn chế sau:

Về tài khoản sử dụng:

- Định kỳ, công ty chưa tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt và lập bảng kiểm kê quỹ. Việc theo dõi đối chiếu số tiền thực tế có tại quỹ với sổ quỹ không làm thường xuyên ảnh hưởng đến việc quản lý tiền mặt của công ty.

Về việc kiểm kê quỹ:

- Hiện nay công ty chưa có một phần mềm kế toán riêng biệt để phục vụ
- công tác kế toán nên vẫn chưa thực sự phát huy hết vai trò của máy tính trong công tác hạch toán kế toán, chưa tiết kiệm được lao động của nhân viên kế toán và thời gian ghi chép, tổng hợp số liệu và chuyển sổ. Nhất là vào cuối kỳ kế toán, khối lượng công việc là tương đối lớn, nhân viên kế toán phải làm thêm giờ. Vì vậy việc sử dụng phần mềm kế toán là rất cần thiết, sẽ tiết kiệm được thời gian, công sức lao động, đem lại hiệu quả làm việc cao.

3.2.Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty cổ phần DVTM Hùng An

Qua phần thực trạng kế toán vốn bằng tiền tại Công ty CPDVTM Hùng An thì nhìn chung công tác quản lý hạch toán vốn bằng tiền trong công ty là tốt, tuân thủ theo quy định kế toán hiện hành. Tuy nhiên bên cạnh đó còn tồn tại một số vấn đề trong kế toán vốn bằng tiền cần hoàn thiện để nâng cao hiệu quả kinh doanh. Là một sinh viên thực tập tại công ty CPDVTM Hùng An, sau một thời gian tìm hiểu về tất cả các phần hành kế toán nói chung và đi sâu tìm hiểu phần hành kế toán vốn bằng tiền nói riêng, được sự giúp đỡ chỉ bảo tận tình của các thầy cô giáo và cán bộ trong công ty nhất là phòng kế toán, em xin có một vài ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện hơn công tác kế toán vốn bằng tiền phù hợp với tình hình thực tế tại công ty nhưng vẫn đảm bảo tuân thủ theo chế độ kế toán hiện hành.

Ý kiến 1: Hoàn thiện việc thanh toán qua ngân hàng.

➤ Công ty nên tận dụng hết việc thanh toán qua ngân hàng. Hiện nay doanh nghiệp nào cũng có tài khoản ở ngân hàng vì thế việc thanh toán qua ngân hàng vừa tiện lợi tiết kiệm thời gian, công sức. Mặt khác nếu giữ tiền mặt tại quỹ quá nhiều không an toàn, dễ xảy ra gian lận, mất mát.

➤ Công ty nên áp dụng trả lương cho nhân viên qua thẻ ATM vừa tiện lợi, an toàn, giảm áp lực với thủ quỹ, giảm được lượng tiền giữ ở quỹ, nhân viên kế toán tránh nhầm lẫn, sai sót..

Ý kiến 2: Công ty nên xây dựng định mức tiền mặt tồn quỹ

Do đơn vị chưa có một định mức tiền mặt tồn quỹ cụ thể cũng như một kế hoạch thanh toán công nợ thống nhất nên dẫn đến tình trạng số tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp không ổn định, có lúc quá ít có lúc quá nhiều. Điều này gây lên những khó khăn cho doanh nghiệp trong việc chi tiêu tiền mặt phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh hoặc gây ứ đọng quá nhiều tiền làm vòng quay của vốn bị chậm lại. Để khắc phục nhược điểm này, theo em công ty nên xây dựng một định mức tối thiểu, tối đa về mức tiền mặt tồn quỹ cụ thể trong từng kỳ hạch toán căn cứ vào kế hoạch thu chi tiền mặt trong kỳ. Định mức này có thể được xê dịch trong kỳ hạch toán nhưng không được phép tăng quá cao hoặc giảm quá thấp gây tình trạng bất ổn trong quỹ tiền mặt của doanh nghiệp. Nếu tồn quỹ quá nhiều thì doanh nghiệp có thể chuyển vào tài khoản ngân hàng để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Bên cạnh đó công ty cũng cần lập kế hoạch thu hồi công nợ sao cho số tiền sẽ phải trả nợ cũng như số tiền nợ sẽ thu hồi cân đối nhau, đảm bảo được nhu cầu thu, chi tiền mặt của công ty.

Ý kiến 3: Hoàn thiện việc ứng dụng tin học trong công tác kế toán

Công ty cần trang bị cho phòng kế toán một phần mềm kế toán máy thống nhất nhằm tự động hoá ở mức độ cao nhất công tác hạch toán nói chung và công tác hạch toán vốn bằng tiền, nối mạng thông tin nội bộ để kế toán có thể nắm bắt, trao đổi và kiểm tra hệ thống thông tin khi cần thiết, đồng thời phải tổ chức đào tạo để nâng cao trình độ cho nhân viên kế toán về chương trình kế toán máy nhằm quản lý chính xác được các con số.

Trên thị trường hiện nay có rất nhiều công ty cung cấp phần mềm kế toán với các phần mềm nổi tiếng như MISA, 3TOSOFT 2013, FAST ACCOUNTING,... Công ty cần nghiên cứu và lựa chọn phần mềm kế toán cho phù hợp với đặc điểm hoạt động kinh doanh, với các nghiệp vụ phát sinh của đơn vị mình.

Việc ứng dụng phần mềm kế toán vào tổ chức kế toán tại công ty sẽ giúp cho các kế toán viên giảm được khối lượng công việc hàng ngày, kế toán trưởng giảm được thời gian tổng hợp, đối chiếu số liệu, đặc biệt là có thể cung cấp thông tin tài chính nói chung, kết quả kinh doanh của Công ty nói riêng tại bất kỳ thời điểm nào khi nhà quản lý yêu cầu. Thêm vào đó là các sản phẩm này không chỉ dành cho kế toán viên mà còn là công cụ giúp giám đốc doanh nghiệp luôn nắm rõ tình hình tài chính doanh nghiệp để ra quyết định đúng đắn và kịp thời.

Phần mềm kế toán 3TSOFT 2013



Màn hình phần mềm kế toán MISA 2



KẾT LUẬN

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường như hiện nay, kế toán với vai trò là công cụ quan trọng để quản lý kinh tế - tài chính ở các doanh nghiệp phải thay đổi, cho phù hợp với tình hình mới để giúp cho doanh nghiệp quản lý được tốt hơn mọi mặt hoạt động kinh doanh của mình. Trong đó phải đặc biệt chú trọng đến việc hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền.

Qua thời gian thực tập tại Công ty cổ phần DVTM Hùng An, em đã được tìm hiểu thực tế về công tác hạch toán kế toán nói chung và công tác tổ chức kế toán vốn bằng tiền nói riêng. Công ty và đặc biệt là phòng tài chính kế toán đã tạo điều kiện để em có thể nghiên cứu, tiếp cận thực tế, bổ sung những kiến thức đã học ở trường từ đó đối chiếu lý luận với thực tiễn, hoàn thành khóa luận: “Hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty cổ phần DVTM Hùng An”

Do hạn chế về hiểu biết lý luận và thực tiễn, thời gian thực tập có hạn nên không tránh khỏi những sai sót và hạn chế trong bài luận. Vì vậy em rất mong có được sự đóng góp và chỉ bảo của các thầy cô để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn. Em xin chân thành cảm ơn ban lãnh đạo Công ty cùng toàn thể các cô chú trong phòng kế toán và đặc biệt là cô giáo - thạc sỹ Văn Hồng Ngọc đã tạo điều kiện giúp đỡ để em có thể hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp này.

Hải Phòng, Ngày 28 tháng 06 năm 2014